

Số: /KL-SYT

Điện Biên, ngày 23 tháng 8 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh; thực hiện quy định về tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo

Thực hiện Quyết định số 624/QĐ-SYT ngày 13/7/2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Điện Biên về Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh; thực hiện quy định về tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo. Từ ngày 22/7/2023 đến ngày 28/7/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 05/BC-ĐTTr, ngày 08/8/2023 của Trưởng đoàn thanh tra; ý kiến giải trình của Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo.

Giám đốc Sở Y tế kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo (*sau đây gọi tắt là Trung tâm*) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế, có chức năng triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về khám, chữa bệnh và lĩnh vực Y tế dự phòng; phòng chống HIV/AIDS; phòng, chống các bệnh xã hội; an toàn vệ sinh thực phẩm; chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng, chống suy dinh dưỡng; truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý toàn diện các trạm y tế xã trên địa bàn huyện.

- Trung tâm được thành lập theo Quyết định số 68/QĐ-UB, ngày 04/6/1991 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thành lập Trung tâm Y tế ba huyện: Phong Thổ, Tuần Giáo, Mường Lay.

- Giấy phép hoạt động số 610/ĐB-GPHĐ; cấp ngày 04/5/2021; nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Điện Biên.

- Địa chỉ Trung tâm: khối Trường Xuân, thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Trung tâm gồm có: 01 bệnh viện đa khoa, hạng 2 (*theo Quyết định số 642/QĐ-SYT, ngày 31/5/2016 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên*) với 235 giường bệnh kế hoạch; 05 phòng chức năng và 15 khoa chuyên môn (*trong đó, 12 khoa lâm sàng và cận lâm sàng, 03 khoa thuộc lĩnh vực y tế dự phòng*); 19 trạm y tế xã, thị trấn với 57 giường lưu bệnh nhân.

- Về nhân lực: tính đến tháng 30/6/2023, Trung tâm có 349 cán bộ, viên chức và người lao động; trong đó: 331 cán bộ viên chức và 18 hợp đồng.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị:

- Diện tích mặt bằng Trung tâm: 16.000 m²; diện tích xây dựng: 8.855,3 m²; trong đó, diện tích sàn công trình chính: 7.970,3 m², diện tích sàn công trình phụ trợ: 885 m².

- Trung tâm được giao: 235 giường bệnh kế hoạch (thực kê 282 giường).

- Cơ sở hạ tầng tại Trung tâm cơ bản đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân trên địa bàn huyện Tuần Giáo và các xã khu vực lân cận của huyện Mường Chà, Tủa Chùa, Mường Ảng - tỉnh Điện Biên, các xã giáp ranh của huyện Thuận Châu, Quỳnh Nhai - tỉnh Sơn La.

- Cơ sở vật chất luôn được quan tâm sửa chữa, bảo dưỡng, tạo môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp, thân thiện.

- Trang thiết bị hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác khám và điều trị bệnh nhân tại bệnh viện. Công tác quản lý sử dụng trang thiết bị đảm bảo theo quy định; máy móc, trang thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; kịp thời sửa chữa khi có hư hỏng.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) tại Trung tâm, đáp ứng nhu cầu quản lý KCB; thực hiện tốt công tác liên thông, trích chuyển dữ liệu KCB theo chỉ đạo của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Có trang thiết bị phục vụ hội chẩn KCB từ xa với các bệnh viện tuyến trên: Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Bệnh viện Nhi Trung ương.

- Trung tâm có 02 xe cứu thương phục vụ vận chuyển bệnh nhân; 01 xe bán tải, vận chuyển vắc xin, vật tư; 01 xe tải (nhỏ) thùng kín, vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại y tế đến địa điểm xử lý.

- Hiện tại, đơn vị đang triển khai dự án đầu tư xây dựng nhà kỹ thuật cao.

2. Biên chế, nhân lực tham gia khám, chữa bệnh:

Tổng số cán bộ, viên chức, nhân viên hợp đồng của Trung tâm tính đến tháng 30/6/2023 là 349/331 biên chế được giao (trong đó: 331 viên chức, 18 hợp đồng), cụ thể:

TT	Chức danh chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ%/Tổng số
1	Tổng số cán bộ Y :	306	92,4
	- Thạc sĩ y khoa	01	0,3
	- Bác sĩ Chuyên khoa cấp 2	01	0,3
	- Bác sĩ Chuyên khoa cấp 1	24	7,3
	- Bác sĩ	50	15,1
	- Y sỹ làm công tác điều trị	52	15,7
2	Tổng số cán bộ Dược:	34	10,3
	- Thạc sỹ dược	01	0,3
	- Dược sĩ đại học	17	5,1
	- Dược sĩ cao đẳng	15	4,5

	- Dược sĩ trung học/KTV dược trung học	01	0,3
3	Tổng số Điều dưỡng:	62	18,7
	- Chuyên khoa cấp 1 điều dưỡng	01	0,3
	- Đại học điều dưỡng	14	4,2
	- Cao đẳng điều dưỡng	34	10,3
	- Trung học điều dưỡng	13	3,9
4	Tổng số Hộ sinh viên:	41	12,4
	- Đại học hộ sinh	05	1,5
	- Cao đẳng hộ sinh	35	10,6
	- Trung học hộ sinh	01	0,3
5	Tổng số Kỹ thuật viên:	18	5,4
	- Đại học	06	18,1
	- Cao đẳng	08	2,4
	- Trung học	04	1,2
6	Tổng số Hộ lý	03	0,9
7	Tổng số các cán bộ khác:	33	10
	- Sau đại học	05	1,5
	- Đại học	16	4,8
	- Cao đẳng	03	0,9
	- Trung học	06	1,8
	- Lái xe	03	0,9

3. Kết quả thực hiện khám bệnh, chữa bệnh năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Năm 2022			
	Tổng số lần khám bệnh	Lượt/người	74.250	
	Tổng số kê đơn	Lượt/người	53.960	
	Tổng số lượt điều trị nội trú	Lượt/người	11.567	
	Tổng số lượt điều trị ngoại trú	Lượt/người	656	
	Tổng số khám dự phòng	Lượt/người	6.740	
	Khám chuyển tuyến	Lượt/người	1.327	
	Khám tư vấn, kê đơn mua thuốc	Lượt/người	0	
II	6 tháng năm 2023			
	Tổng số lần khám bệnh	Lượt/người	39.445	
	Tổng số kê đơn	Lượt/người	32.558	
	Tổng số lượt điều trị nội trú	Lượt/người	6.392	
	Tổng số lượt điều trị ngoại trú	Lượt/người	373	
	Tổng số khám dự phòng	Lượt/người	3.746	
	Khám chuyển tuyến	Lượt/người	1.010	
	Khám tư vấn, kê đơn mua thuốc	Lượt/người	0	

4. Kết quả thực hiện các Quy chế bệnh viện, quy chế chuyên môn

*** Quy chế hội họp:**

- Hằng ngày, đơn vị tổ chức giao ban bệnh viện theo quy định.
- Tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Sở Y tế giao hằng năm.

*** Quy chế chuyên môn về hội chẩn; thường trực; cấp cứu:**

- Đơn vị đã xây dựng lịch trực 24/24 giờ toàn bệnh viện. Thực hiện trực 3 cấp: trực lãnh đạo, trực cấp cứu và trực khối chung bệnh viện. Lịch trực được lãnh đạo phê duyệt và niêm yết; có sổ bàn giao trực.
- Thực hiện hội chẩn các trường hợp cấp cứu kịp thời; 100% trường hợp phẫu thuật được hội chẩn.
- Có phòng cấp cứu, có biển đèn; có đủ bình ô xy, thuốc, trang thiết bị y tế, tủ thuốc cấp cứu, danh mục thuốc cấp cứu; có sổ khám bệnh và hồ sơ bệnh án để theo dõi người bệnh đến cấp cứu.

*** Quy chế chẩn đoán, chỉ định, lập hồ sơ bệnh án và kê đơn điều trị:**

Kết quả kiểm tra bệnh án nội trú, ngoại trú:

- Áp dụng các kết quả lâm sàng, cận lâm sàng, kết hợp với yếu tố tiền sử trong chẩn đoán.
- Ra y lệnh điều trị kịp thời, cơ bản chính xác; chỉ định sử dụng thuốc tương đối phù hợp với chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh.
- Tại các khoa chuyên môn đã tổ chức hội chẩn khi bệnh vượt quá khả năng (*hội chẩn khoa và hội chẩn toàn bệnh viện*). Các thủ tục chuyển khoa, chuyển tuyến được thực hiện theo quy định.
- Thực hiện quy chế kê đơn thuốc trong điều trị nội trú, ngoại trú: Hồ sơ bệnh án ghi đầy đủ, rõ ràng theo quy định.
- Đơn thuốc đúng mẫu theo Thông tư số 52/2017/TT-BYT, ngày 29/12/2017 và Thông tư số 18/2018/TT-BYT, ngày 22/8/2018 của Bộ Y tế.
- Bác sĩ/y sĩ có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và có đăng ký hành nghề tại cơ sở KCB theo quy định của Luật Khám, chữa bệnh.
- Tuân thủ việc kê đơn theo đúng các trình tự và đảm bảo an toàn theo kết quả khám và chẩn đoán bệnh; an toàn, hợp lý và hiệu quả trong điều trị.

*** Quy chế giải quyết người bệnh tử vong:**

- Trung tâm có Nhà đại thể để lưu bệnh nhân tử vong trong trường hợp gia đình chưa kịp chuyển bệnh nhân về gia đình.
- Tổ chức kiểm đếm tử vong các trường hợp tử vong tại bệnh viện (tại các khoa lâm sàng có bệnh nhân tử vong). Năm 2022: có 28 trường hợp tử vong; năm 2023 (tính đến 30/6/2023): có 06 trường hợp tử vong.
- Cấp Giấy báo tử cho các trường hợp tử vong.

*** Hoạt động điều dưỡng và Quy định Hội đồng người bệnh:**

- Trung tâm thành lập phòng Điều dưỡng theo quy định tại Thông tư số 31/2021/TT-BYT, ngày 28/12/2021 của Bộ Y tế quy định về hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện.

- Chủ động lập kế hoạch hoạt động công tác điều dưỡng hàng năm.

- Phòng Điều dưỡng: có sổ họp Hội đồng người bệnh (HĐNB) cấp bệnh viện; sổ họp phòng Điều dưỡng; sổ kiểm tra công tác điều dưỡng tại Trung tâm.

- Thực hiện báo cáo hoạt động công tác điều dưỡng theo quy định và theo yêu cầu của Sở Y tế.

- Thực hiện bình kế hoạch chăm sóc bệnh nhân theo quy định.

*** Công tác Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện:**

- Trung tâm đã thành lập tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BYT, ngày 20/7/2018 của Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Đã xây dựng và niêm yết quy trình phân loại, thu gom rác theo quy định; bố trí các loại thùng đựng rác để phân loại, thu gom rác tại tất cả các khoa/phòng của Trung tâm.

- Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý rác thải. Vệ sinh nội, ngoại cảnh xanh, sạch, đẹp.

*** Quy chế lưu trữ hồ sơ, bệnh án:**

Bố trí kho lưu trữ hồ sơ, bệnh án; hồ sơ bệnh án được lưu trữ, bảo quản tại các kho; có giá để hồ sơ bệnh án.

*** Thực hiện công tác đào tạo liên tục về chuyên môn:**

Hàng năm, cán bộ chuyên môn y của Trung tâm được tham gia các lớp đào tạo liên tục về chuyên môn do các đơn vị tuyển trên tổ chức.

Công tác đào tạo dài hạn: năm 2022, đào tạo 05 bác sỹ, dược sỹ chuyên khoa cấp 1, 04 cử nhân Y tế công cộng, 03 kỹ thuật viên; năm 2023, đào tạo 04 chuyên ngành dân số; 01 đại học dược.

5. Kết quả tổ chức khám bệnh, chữa bệnh BHYT

- Trung tâm thực hiện KCB BHYT theo các hợp đồng ký kết giữa BHXH tỉnh và Trung tâm: năm 2022, Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh số 12/HĐ KCB-BHYT ngày 28/12/2021; năm 2023, Hợp đồng số 12/HĐ KCB-BHYT ngày 28/12/2022.

- Mã cơ sở KCB do cơ quan BHXH tỉnh Điện Biên cấp: 11080.

*** Tổng chi phí KCB BHYT đơn vị đề nghị thanh toán trong thời kỳ thanh tra:**

TT	Nội dung	Số tiền	Số lượt
2	Năm 2022 (01/04-31/12).	39.105.091.783	56.608
	<i>Trong đó: Ngoại trú</i>	<i>13.242.809.900</i>	<i>46.752</i>
	<i>Nội trú</i>	<i>25.862.281.883</i>	<i>9.856</i>
3	Quý I, II/2023	24.323.380.795	39.323
	<i>Trong đó: Ngoại trú</i>	<i>8.862.390.460</i>	<i>32.931</i>
	<i>Nội trú</i>	<i>15.460.990.335</i>	<i>6.392</i>

*** Kết quả kiểm tra 09 tháng năm 2022 (01/4/2022 đến 31/12/2022):**

- Chi phí bình quân KCB BHYT điều trị ngoại trú là 283.277 đồng/lượt.
- Chi phí bình quân KCB BHYT điều trị nội trú là 2.624.014 đồng/lượt.
- Tổng lượt KCB BHYT 9 tháng năm 2022 là 56.608 lượt; tổng chi phí 39.106.033.783 đồng.
- Tổng số lượt điều trị ngoại trú là 46.752 lượt bệnh nhân, với tổng chi phí 13.243.751.900 đồng.
- Tổng số lượt điều trị nội trú là 9.856 lượt bệnh nhân, với tổng chi phí 25.862.281.883 đồng.

*** Kết quả kiểm tra 06 tháng đầu năm 2023:**

- Chi phí bình quân KCB BHYT điều trị ngoại trú là 269.120 đồng/lượt.
- Chi phí bình quân KCB BHYT điều trị nội trú là 2.418.803 đồng/lượt.
- Tổng lượt KCB BHYT 6 tháng năm 2023 là 39.323 lượt; tổng chi phí 24.323.380.795 đồng.
- Tổng số lượt điều trị ngoại trú là 32.931 lượt bệnh nhân, với tổng chi phí 8.862.390.460 đồng
- Tổng số lượt điều trị nội trú là 6.392 lượt bệnh nhân với tổng chi phí 15.460.990.335 đồng.

Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo đã từng bước đầu tư trang thiết bị y tế, tăng cường đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ và từng bước nâng cao chất lượng KCB trên địa bàn. Qua công tác thanh tra, quyền lợi của người dân tham gia BHYT được đảm bảo, sử dụng quỹ BHYT tương đối hợp lý, hiệu quả. Phối hợp tốt với cơ quan BHXH trong công tác tổ chức KCB BHYT cho người có thẻ BHYT.

6. Công tác quản lý dược

*** Nhân lực:**

- Tổng số cán bộ làm công tác dược tại Trung tâm là 17 người (thạc sỹ 01; đại học 12; cao đẳng 03; trung cấp 01).

- Tại khoa Dược, đã phân công nhiệm vụ cho cán bộ khoa; có bảng mô tả cơ cấu tổ chức, quan hệ công tác, quy trình thực hiện nhiệm vụ tại khoa theo Thông tư số 22/2011/TT-BYT quy định chức năng nhiệm vụ của khoa dược.

*** Công tác tiếp nhận, phổ biến thực hiện các văn bản quản lý nhà nước về dược, các quy định chuyên môn về dược trong các cơ sở khám, chữa bệnh:**

Khoa Dược đã cập nhật các văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành về dược và các văn bản có liên quan (các công văn về đình chỉ lưu hành và thu hồi thuốc, mỹ phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng; các công văn về phản ứng có hại và tác dụng không mong muốn của thuốc); triển khai tổ chức thực hiện đến các khoa, phòng, trạm y tế xã.

Năm 2022, Trung tâm đã tổ chức 01 lớp tập huấn về cập nhật kiến thức dược lâm sàng cho cán bộ, viên chức của bệnh viện (kế hoạch số 138b/KH-TTYT ngày 17/8/2022).

*** Hoạt động Hội đồng Thuốc và điều trị:**

- Trung tâm đã kiện toàn Hội đồng Thuốc và điều trị theo Thông tư số 21/2013/TT-BYT, ngày 08/8/2013 của Bộ Y tế quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện (*Quyết định số 120/QĐ-TTYT, ngày 19/4/2021 về việc kiện toàn tổ chức hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị*).

- Hội đồng Thuốc và điều trị có bảng phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng; thực hiện xây dựng danh mục thuốc, giám sát sử dụng thuốc trong bệnh viện. Hội đồng Thuốc và điều trị hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 21/2013/TT-BYT, ngày 08/8/2013 của Bộ Y tế. Trong năm 2022, Hội đồng tổ chức 06 cuộc họp/06 biên bản; 06 tháng đầu năm 2023, tổ chức 05 cuộc họp/05 biên bản.

- Tham mưu, tổ chức thực hiện bình đơn, bình bệnh án (năm 2022, thực hiện bình đơn, bình bệnh án là 15 hồ sơ; 06 tháng đầu năm 2023, thực hiện bình đơn, bình bệnh án là 11 hồ sơ).

*** Công tác cung ứng thuốc, sinh phẩm, vật tư, hóa chất:**

- Kế hoạch dự trữ thuốc được thực hiện theo quy trình: dự trữ từ các khoa/phòng lên, khoa Dược tổng hợp, trình Hội đồng Thuốc và điều trị rà soát, xem xét thống nhất danh mục chung trước khi gửi Sở Y tế xây dựng kế hoạch đầu thầu.

- Mua thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho công tác KCB theo đúng danh mục và giá trúng thầu.

Năm 2022:

- Tồn năm 2021 chuyển sang năm 2022: 5.787.504.713 đồng;

- Nhập năm 2022: 27.741.104.250 đồng;

- Tổng giá trị sử dụng năm 2022: 25.428.603.579 đồng;
- Tồn chuyển sang năm 2023: 8.392.096.713 đồng.
- Số tiền nợ của đơn vị đối với các nhà thầu cung ứng đến ngày 31/12/2022 là 11.734.590.944 đồng.

Năm 2023:

- Tồn năm 2022 chuyển sang năm 2023: 8.392.096.713 đồng.
- Nhập 06 tháng đầu năm 2023: 10.078.632.690 đồng; trong đó mua ngoài thầu là 38.768.600 đồng (*Vắc xin Đại và SAT*); mua vượt tiến độ thầu theo quý là 01 mặt hàng trị giá 5.504.000 đồng (*Nước cất 10ml do nước cất 5ml đấu thầu tập trung không trúng cả 02 lần*).
- Sử dụng 06 tháng đầu năm 2023: 11.957.113.335 đồng.
- Tồn 06 tháng năm 2023: 6.718.176.945 đồng.
- Số tiền nợ của đơn vị đối với các nhà thầu cung ứng đến ngày 30/6/2023 là 9.637.167.752 đồng (*nợ đến thời điểm thanh tra 7.880.600.078 đồng*).

Xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc:

- Gói thầu cung ứng thuốc năm 2021 - 2022 (tại thời điểm 31/12/2022):
 - + Tổng số danh mục thuốc trúng thầu 528 thuốc; trị giá 54.681.778.990 đồng (trong đó: tổng số tiền mua bổ sung 20% và xin điều chuyển từ các đơn vị; trị giá 3.413.339.204 đồng).
 - Đã mua hết số lượng 403/528 mặt hàng, trị giá: 41.498.660.868 đồng.
 - Chưa mua hết số lượng 75/528 mặt hàng, trị giá 16.596.457.326 đồng.
 - Không mua 50/528 mặt hàng; trị giá 2.474.514.700 đồng (*Phụ lục 05*), cụ thể:
 - + Có 08 thuốc do nhà thầu không cung ứng được; trị giá: 1.560.217.400 đồng.
 - + Có 42 thuốc, do số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng; trị giá: 913.257.300 đồng.
- Gói thầu cung ứng thuốc năm 2023 (06 tháng đầu năm 2023):
 - + Tổng số thuốc trúng thầu 275 danh mục, trị giá: 29.020.414.900 đồng.
 - + Đã mua 219/275 danh mục; trị giá 10.281.727.668 đồng (trong đó, danh mục thuốc chưa mua hết số lượng, trị giá 18.738.687.232 đồng).
 - + Chưa mua, có 56 danh mục thuốc; trị giá 6.055.348.600 đồng (*chủ yếu là thuốc đấu thầu bổ sung tại Sở, và ở đơn vị, ngày 29/6/2023 mới có Quyết định phê duyệt*).

*** Công tác quản lý, sử dụng thuốc trong bệnh viện:**

- Có sổ sách theo dõi kiểm nhập thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao theo quy định (Biên bản kiểm nhập); có sổ sách theo dõi thuốc thừa, hư hao, thuốc hết hạn sử dụng; có Quyết định thành lập Hội đồng hủy thuốc và có biên bản

hủy thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao theo quy định (*Quyết định số 228/QĐ-TTĐT, ngày 06/7/2023 về việc thành lập Hội đồng hủy thuốc*).

- Tại khoa điều trị: bố trí tủ thuốc trực, tủ thuốc cấp cứu, có đủ thuốc phục vụ cho công tác điều trị; có sổ sách theo dõi thuốc, vật tư y tế, dụng cụ; thực hiện bàn giao thuốc, vật tư hằng ngày theo quy định.

- Khoa Dược đã thực hiện theo dõi kiểm kê thuốc tại khoa Dược 01 lần/tháng và kiểm kê tủ thuốc trực tại các khoa lâm sàng 01 lần/3 tháng theo quy định tại Thông tư số 22/2011/QĐ-BYT (thể hiện trên sổ theo dõi).

- Công tác bảo quản, lưu trữ hồ sơ, báo cáo đầy đủ.

- Công tác quản lý, sử dụng thuốc tại Bệnh viện đúng theo quy định, sử dụng thuốc phù hợp với chẩn đoán bệnh, với kết quả cận lâm sàng, phù hợp với độ tuổi, cân nặng, tình trạng và cơ địa người bệnh, chỉ sử dụng thuốc khi thật sự cần thiết, đúng mục đích, ít tốn kém và hiệu quả nhất.

*** Công tác quản lý sử dụng thuốc gây nghiện “N”, thuốc hướng tâm thần “H” và tiền chất dùng làm thuốc:**

- Sổ sách, giấy tờ liên quan đến xuất, nhập, tồn thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất được ghi chép theo quy định và kiểm soát chặt chẽ theo Thông tư số 20/2017/TT-BYT, ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP, ngày 08/5/2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

- Công tác quản lý thuốc gây nghiện, hướng tâm: có đầy đủ biên bản giao nhận thuốc; thực hiện kiểm nhập thuốc, kiểm kê, cấp phát, tổng hợp báo cáo đầy đủ, đúng quy định, các lô thuốc nhập có phiếu kiểm nghiệm chất lượng kèm theo. Trung tâm bố trí tủ thuốc trực, tủ thuốc cấp cứu; có đủ cơ số thuốc phục vụ cho công tác điều trị; có sổ sách theo dõi thuốc thực hiện KCB; hộp thuốc chống sốc đầy đủ cơ số thuốc theo quy định; có sổ sách theo dõi và thực hiện bàn giao hằng ngày.

- Kết quả kiểm tra thực tế số lượng thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm và thuốc phải kiểm soát đặc biệt tính đến ngày 26/7/2023, tại Trung tâm:

Thuốc gây nghiện, hướng tâm:

Fentanyl 0.1mg (lô 01BC0122, hạn dùng: 25/01/2025): 3.388 ống;

Morphin 10mg/ml (lô 181122, hạn dùng: 03/11/2025): 1.830 ống;

Diazepam 10mg/2ml (lô 10616, hạn dùng: 12/12/2024): 7 ống;

Seduxen 5mg (lô T29084A, hạn dùng: 30/9/2027): 5.940 viên;

Gardenal 100mg (lô 81002, hạn dùng: 14/11/2024): 4.884 viên;

Ephedrine 30mg/ml (lô: A0322A01, hạn dùng 07/3/2025): 142 ống;

Midazolam B. Braun 5mg/ml (lô: 22404050, hạn dùng 05/10/2025): 403 ống;

Osaphine 10mg/1ml (lô 61009, hạn dùng: 16/11/2024): 0 ống;

Zodalan 5mg/1ml (lô 270822, hạn dùng: 18/08/2025): 0 ống.

Thuốc kiểm soát đặc biệt

Ciprofloxacin 0,3% 15mg/5ml (lô: 010925, hạn dùng: 28/9/2024): 622 lọ;
 Colchicina Seid 1mg Tablet 1mg (lô: S001, hạn dùng: 11/2027): 690 viên;
 Metrinidazol 250 250mg (Lô: 040523, HD: 070525): 9519 viên;
 Metronidazol 500mg/100ml (Lô: 86QLN030, HD:191125): 1265 chai;
 Buto-Asma 100mcg (Lô: 008T063A, HD: 300426): 193 Bình;
 Zensalbu nebules 5.0 (Lô: 040922, HD: 170925): 1992 ống;
 Zencombi 2,5mg (Lô: 020922, HD: 220925): 116 lọ;
 Ofloxacin 200mg/40ml (Lô: 010422, HD: 140424): 0 lọ;
 Albutol 5mg (Lô: 010721 hạn dùng: 25/7/2024): 0 ống;
 Pro Salbutamol Inhaler (Lô: 0008N125, HD: 012024): 0 chai;
 Vinsalmol (Lô: 041122, HD: 211125): 0 ống;
 Eyflox ophthalmic 10,5mg/3,5g (lô: 039331, hạn dùng: 28/10/2023): 0 lọ.

Nhận xét:

- Số lượng thuốc hiện có tại các kho đúng với số lượng báo cáo trên sổ sách.
- Một số thuốc đã hết từ đầu tháng 7/2023, đang chờ kết quả đấu thầu mới: Osaphine 10mg/1ml; Phenobarbital; Zodalan; Ofloxacin 200mg/40ml; Ofloxacin 0,3%; Albutol; Pro Salbutamol Inhaler; Vinsalmol; Eyflox ophthalmic ointment 10,5mg/3,5g.
- Chưa thay danh mục thuốc niêm yết tại tủ thuốc trực tại một số khoa, trạm y tế xã (*lý do hết thuốc và đang chờ thầu mới*).

*** Công tác dược lâm sàng; thông tin thuốc; theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR):**

- Phân công 01 dược sĩ đại học phụ trách công tác dược lâm sàng.
- Công tác dược lâm sàng, thông tin thuốc và theo dõi ADR được thực hiện theo quy định. Theo dõi ADR: năm 2022, có 07 trường hợp; 06 tháng đầu năm 2023 có 06 trường hợp; đã thực hiện báo cáo về Sở Y tế và Trung tâm Quốc gia về thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc theo quy định.
- Lưu báo cáo ADR theo quy định.

*** Công tác thực hành tốt bảo quản thuốc - GSP:**

- Trung tâm có 05 kho thuốc: 01 kho chính (gồm thuốc thường, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chương trình); 02 kho cấp phát thuốc BHYT nội trú, ngoại trú; 01 kho bảo quản thuốc Methadone; 01 kho bảo quản vắc xin).
- Công tác bảo quản thuốc, hóa chất, vật tư y tế tại khoa Dược có đầy đủ ẩm kế, nhiệt kế tự ghi; tại thời điểm kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm tại các kho hầu hết đáp ứng theo quy định; vệ sinh kho tương đối sạch sẽ; hệ thống kho thông thoáng, có trang bị tủ, giá, kệ, quạt, điều hòa, máy hút ẩm.

- Sắp xếp thuốc, vật tư trong kho hợp lý, dễ theo dõi hạn sử dụng, thuận tiện cho vận chuyển và cấp phát, đảm bảo an ninh. Có nội quy, phương tiện phòng chống cháy nổ.

- Sổ sách giấy tờ liên quan đến xuất, nhập, cung ứng thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế được ghi chép theo quy định và có kiểm soát.

7. Triển khai hoạt động giáo dục y đức, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh; thực hiện quy tắc ứng xử, kỹ năng giao tiếp với người bệnh:

- Đơn vị thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền để mọi cán bộ, nhân viên y tế có nhận thức sâu sắc và thực hiện đúng 12 điều Y đức của Bộ Y tế ban hành.

- Hằng năm, tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức và phát động phong trào thi đua trong toàn thể cán bộ, viên chức toàn đơn vị thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh” và cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp”

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế có phẩm chất đạo đức tốt, phong cách giao tiếp hoà nhã, lịch sự, phương pháp ứng xử văn minh, lối sống trong sạch, lành mạnh; kiên quyết đấu tranh với các hiện tượng quan liêu, hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà cho người bệnh.

- Kết quả năm 2022, đoàn kiểm tra Sở Y tế đánh giá: điểm trung bình các tiêu chí 3,11 điểm. Sáu tháng năm 2023, Trung tâm tự đánh giá: điểm trung bình các tiêu chí 3,26 điểm.

- Hằng năm, đơn vị thực hiện khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế. Năm 2022: Tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh nội trú là 89,46%; người bệnh ngoại trú là 100%; nhân viên y tế là 88,07%; người mẹ sinh con tại bệnh viện là 100%. 6 tháng năm 2023: Tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh nội trú là 93,34%; người bệnh ngoại trú là 82,95%; người mẹ sinh con tại bệnh viện: 97,2%.

8. Ứng dụng CNTT và tự động hóa trong quy trình tiếp nhận, khám bệnh, quản lý người bệnh nằm viện, quản lý hồ sơ bệnh án.

- Bệnh viện đã triển khai phần mềm quản lý bệnh viện, ứng dụng CNTT; triển khai KCB bằng CCCD; khai báo lưu trú cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; khám sức khỏe lái xe; cấp Giấy chứng sinh, Giấy chứng tử. Đã xây dựng kế hoạch triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. Xây dựng dự toán, kế hoạch triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân.

- Kết quả:

+ Năm 2022: Tổng số khám bằng CCCD là 12.744 lượt; trong đó: thành công: 5.081 lượt; không thành công: 7.663 lượt; khám bằng mã định danh: 86 lượt.

+ 6 tháng năm 2023: Tổng số khám bằng CCCD là 18.476 lượt; trong đó: thành công: 17.652 lượt; không thành công: 824 lượt; khám bằng mã định danh: 0 lượt; Giấy khám sức khỏe đã liên thông lên công: 53 lượt.

9. Công tác tiếp nhận và xử lý thông tin các ý kiến của người bệnh qua hòm thư góp ý, đường dây nóng, các kênh thông tin khác.

- Đơn vị thường trực đường dây nóng 24/24 giờ để xử lý kịp thời những ý kiến của người bệnh và người nhà bệnh nhân về tinh thần thái độ, ứng xử và giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của người bệnh về KCB và BHYT.

- Hội đồng người bệnh được sinh hoạt hàng tuần (tại khoa) qua đó tiếp thu những ý kiến phản ánh của người bệnh, người nhà người bệnh; kịp thời giải quyết những vướng mắc, bức xúc của người bệnh, người nhà người bệnh.

- Hòm thư góp ý của bệnh viện được bố trí hợp lý tại khu vực khám bệnh, khu điều trị bệnh nhân; thực hiện mở hòm thư góp ý hằng tháng, tuần theo quy định; có sổ theo dõi mở hòm thư và tổng hợp những ý kiến đóng góp của công dân qua thư góp ý.

- Trong năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị.

10. Kết quả kiểm tra tại Trạm Y tế xã Chiềng Sinh

- Thực hiện nghiêm túc quy định về trang phục cho nhân viên y tế theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế.

- Thực hiện tốt công tác ghi chép, quản lý sổ sách quản lý theo dõi các chương trình mục tiêu, dân số...

- Công tác khám chữa bệnh, kê đơn thuốc điều trị cho bệnh nhân tại Trạm được thực tốt, đầy đủ sổ sách, chứng từ theo đúng quy định.

III. KẾT LUẬN

1. Những mặt làm được.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác khám và điều trị bệnh nhân tại Trung tâm. Công tác quản lý sử dụng trang thiết bị đảm bảo theo quy định; máy móc, trang thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; kịp thời sửa chữa khi có hư hỏng.

- Biên chế, nhân lực tham gia KCB: đáp ứng về số lượng theo chỉ tiêu kế hoạch giao. Các chức danh chuyên môn tham gia công tác KCB được Sở Y tế cấp Chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định.

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu KCB: Đơn vị luôn hoàn thành chỉ tiêu KCB hàng năm giao (tổng số lần khám bệnh, kê đơn thuốc; công suất sử dụng giường bệnh, số ngày điều trị khỏi trung bình,...). Người dân được tạo mọi điều kiện thuận lợi trong khám, chữa bệnh tại Trung tâm.

- Thực hiện quy chế bệnh viện, quy chế chuyên môn (theo Quyết định 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế và các văn bản hiện hành): Đơn vị đã triển khai và thực hiện tương đối tốt Quy chế bệnh viện, quy chế chuyên môn như quy chế thường trực; cấp cứu; quy chế chẩn đoán, chỉ định điều trị, quy chế hội chẩn; công tác kiểm soát nhiễm khuẩn của bệnh viện;...

- Công tác khám, chữa bệnh BHYT:

+ Tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về KCB và BHYT tới cán bộ, viên chức, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Các văn bản chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ công tác KCB BHYT của Bộ Y tế, Sở Y tế, BHXH tỉnh được đơn vị triển khai kịp thời và đầy đủ.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý KCB, kê đơn, chỉ định sử dụng thuốc, chỉ định dịch vụ kỹ thuật (DVKT), thủ thuật, xét nghiệm, đáp ứng kịp thời công tác báo cáo, tổng hợp, thanh quyết toán với cơ quan BHXH.

+ Quan tâm đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, tăng cường đào tạo chuyên môn cho cán bộ và từng bước nâng cao chất lượng KCB trên địa bàn. Phối hợp với cơ quan BHXH, đảm bảo quyền lợi cho người bệnh tham gia KCB BHYT khi đi KCB.

- Công tác quản lý dược: Thành lập Hội đồng thuốc và điều trị, tham mưu cho đơn vị trong việc xây dựng, lựa chọn danh mục thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế tiêu hao đầu thầu, sử dụng trong bệnh viện; đảm bảo cung ứng đầy đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu khám, chữa bệnh và phòng chống dịch trên địa bàn; công tác bảo quản thuốc tại đơn vị đúng theo quy định. Đã thực hiện GSP theo thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế.

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, nhân viên y tế có nhận thức sâu sắc và thực hiện đúng 12 điều y đức; thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”. Bệnh nhân hài lòng khi đến KCB tại bệnh viện; Không có đơn thư phản ánh về tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ y tế.

2. Tồn tại, hạn chế:

*** Quy chế chẩn đoán, chỉ định, lập hồ sơ bệnh án và kê đơn điều trị:**

- Một số biên bản hội chẩn còn thiếu chữ ký của thành viên tham gia hội chẩn (khoa Nội).

- Thực hiện KCB BHYT bằng CCCD còn một số hạn chế: chưa trang bị Kios lấy số khám chữa bệnh tự động; thực hiện lấy số thủ công, dẫn đến thời gian chờ đợi làm thủ tục của người bệnh kéo dài.

- Kê đơn thuốc chưa đúng theo quy định tại Thông tư số 52/2017/TT-BYT, ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế, cụ thể: Bác sĩ không ghi thời gian sử dụng thuốc hoặc hướng dẫn cụ thể sử dụng thuốc khi nào (đơn ghi một ống/lần x ba lần/ngày hoặc ghi 1 lần, 2 lần, 3 lần/ngày); đối với thuốc paracetamol, bác sĩ không ghi hướng dẫn dùng khi sốt/đau và khoảng cách thời gian dùng thuốc là mấy giờ.

- Phối hợp thuốc trong kê đơn: bệnh nhân chẩn đoán tiêu chảy rối loạn chức năng/bệnh trào ngược dạ dày, thực quản; đơn kê 01 loại thuốc Esomeprazole 40mg, số lượng 20 viên (không kê phối hợp men tiêu hóa). Bệnh nhân chẩn đoán Viêm xoang cấp, kê đơn thuốc Cefodoxim 200 mg (không kê phối hợp giảm đau, chống viêm,...).

- Một số bệnh án, người bệnh, người nhà người bệnh có đơn xin ra viện; tuy nhiên, nhân viên y tế lại tích vào ô “đỡ, khỏi” và “ra viện” (*bệnh án tất cả các khoa lâm sàng*).

- Một số bệnh án, bác sĩ nhận xét trong tờ điều trị “Bệnh nhân xin về”; tuy nhiên, không có đơn xin về của người bệnh hoặc người nhà người bệnh lưu trong bệnh án.

*** Quy chế giải quyết người bệnh tử vong:**

- Chưa thực hiện đúng quy chế về việc hoàn thiện, bảo quản lưu trữ hồ sơ bệnh án tử vong theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT, ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế và Thông tư số 53/2017/TT-BYT, ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế, cụ thể:

+ Bệnh án bệnh nhân tử vong chưa có đủ các loại giấy tờ để lưu kèm theo: không có phiếu chẩn đoán nguyên nhân tử vong; không có Giấy báo tử (theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BYT, ngày 28/12/2020 của Bộ Y tế và Quyết định số 1921/QĐ-BYT, ngày 12/7/2022 của Bộ Y tế).

+ Hồ sơ bệnh án bệnh nhân tử vong từ năm 2019 trở về trước, chưa được lưu trữ riêng.

+ Bệnh án bệnh nhân tử vong trong năm 2022: một số hồ sơ bệnh án chưa hoàn thiện các thủ tục hành chính (thiếu chữ ký bác sĩ, điều dưỡng tại tờ điều trị, phiếu chăm sóc; thiếu chữ ký, dấu của giám đốc Trung tâm, trưởng khoa tại bìa bệnh án; thiếu chữ ký của người lập, kế toán tại Bảng kê chi phí KCB).

*** Hoạt động điều dưỡng và Quy định Hội đồng người bệnh:**

Năm 2022, đơn vị không thực hiện sinh hoạt Hội đồng người bệnh cấp bệnh viện. Nguyên nhân (theo giải trình của phòng Điều dưỡng): tại Thông tư số 31/2021/TT-BYT, ngày 28/12/2021 của Bộ Y tế quy định về hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện (có hiệu lực ngày 27/02/2022) và Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT, ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế ban hành Quy chế bệnh viện, không thống nhất về người chủ trì họp Hội đồng người bệnh cấp bệnh viện. Do vậy, đơn vị lúng túng, không thực hiện được hoạt động sinh hoạt Hội đồng người bệnh cấp bệnh viện.

*** Công tác Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện:**

- Tại thời điểm kiểm tra, một số khoa thực hiện phân loại và thu gom rác chưa đúng quy định: để chất thải y tế thông thường phục vụ với mục đích tái chế (*dây dịch truyền*) lẫn với chất thải sinh hoạt.

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn để lưu trữ lâu, quá thời gian lưu trữ theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 20/2021/TT-BYT, ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế (*khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn*).

*** Quy chế lưu trữ hồ sơ, bệnh án:**

- Công tác bảo quản hồ sơ bệnh án tại đơn vị chưa đảm bảo yêu cầu: chưa đầy đủ kệ kê; nhân viên quản lý, lưu trữ chưa khoa học, chưa đáp ứng yêu cầu

theo Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án ở bệnh viện quy định tại Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT, ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện; bệnh án để lẫn với các loại hồ sơ sổ sách, đơn/phiếu lĩnh thuốc; bệnh án của Bệnh viện, Trạm Y tế không thực hiện lưu riêng ở các giá/kệ khác nhau.

- Chưa có sổ ghi chép lịch sử việc phô tô, sao chép hồ sơ bệnh án của các cơ quan bảo vệ pháp luật: Công an, Tòa án, Thanh tra,...

- Kho hồ sơ bệnh án tại khoa Khám bệnh: không có giá, kệ để bệnh án, không được đánh số thứ tự lưu trữ; bệnh án được lưu trữ cùng nhiều trang thiết bị văn phòng khác; kho không đảm bảo quy định về chống ẩm, ướt, mối, chuột,...

- Kiểm tra hồ sơ bệnh án đang lưu trong kho:

+ Một số bệnh án chưa được hoàn thiện về thủ tục hành chính: thiếu chữ ký bác sĩ ở tờ điều trị; chỉ định cận lâm sàng chưa có chữ ký của nhân viên y tế chỉ định và thực đọc kết quả (*Bệnh án khoa Nhi, Nội, Ngoại, quý I/2023*).

+ Bệnh án tâm thần, tai nạn lao động, tai nạn sinh hoạt: lưu trữ và bảo quản cùng bệnh án thông thường (do đó, không đảm bảo về mặt thời gian lưu trữ theo quy định tại Thông tư số 53/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế: thời gian lưu trữ bệnh án là 15 - 20 năm).

*** Kết quả tổ chức khám bệnh, chữa bệnh BHYT:**

- Thủ tục hành chính:

+ Một số dịch vụ kỹ thuật chưa thực theo Quyết định số 3618/QĐ-BHXH, ngày 12/12/2022 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về Quy trình giám định BHYT; Quyết định số 130/QĐ-BYT, ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế về quy định chuẩn định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí KCB và giải quyết các chế độ liên quan.

+ Kiểm tra dữ liệu XML 123 một số dịch vụ kỹ thuật (DVKT): Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm; Rửa dạ dày cấp cứu,... áp mã chưa đúng Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế (áp mã và giá dịch vụ kỹ thuật phê duyệt tại chuyên khoa Nhi đối với bệnh nhân trên 16 tuổi). Tuy nhiên, qua kiểm tra trên hồ sơ bệnh án, sổ phẫu thuật, thủ thuật, chữ ký của bệnh nhân,... các DVKT trên đã được Cơ sở KCB thực hiện cho người bệnh.

- Chỉ định thanh toán DVKT:

+ Thanh toán chưa đúng DVKT xét nghiệm: Afb trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen, do đơn vị không nhập hóa chất xét nghiệm đối với DVKT này, cụ thể: Dung dịch fuchsin 0,3%; Dung dịch cồn tẩy HCL 3%; Dung dịch xanh methylen 0,3%; ... (*căn cứ trên Báo cáo xuất nhập tồn thuốc, vật tư, hóa chất năm 2022 và quý I, II năm 2023 của đơn vị*) theo hướng dẫn tại Quyết định 26/QĐ-BYT, ngày 03/01/2013 của Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Vi sinh Y học”; đơn vị không thể thực hiện được DVKT này khi không nhập hóa chất. Số tiền thanh toán chưa đúng quy định là 3.804.600 đồng; trong đó: năm 2022, số tiền 3.196.000 đồng; Quý I, II/2023, số tiền 608.600 đồng (*Phụ lục 02*).

+ Thực hiện một số DVKT chụp cắt lớp vi tính bệnh nhân không tiêm thuốc cản quang Xenetix, đơn vị thanh toán với cơ quan BHYT với giá dịch vụ tiêm thuốc. Số tiền thanh toán chưa đúng quy định năm 2022 là 1.606.000 đồng (*Phụ lục 03*).

+ Thanh toán DVKT Vi nấm soi tươi không đúng quy định theo Quyết định số 26/QĐ-BYT, ngày 03/01/2013 của Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Vi sinh Y học”; đơn vị không thể thực hiện được DVKT này khi không nhập hóa chất Kali hydroxide (KOH). Số tiền thanh toán chưa đúng quy định là 13.348.170 đồng; trong đó: năm 2022, số tiền 7.945.935 đồng; năm 2023, số tiền 5.402.235 đồng (*Phụ lục 04*).

*** Công tác quản lý dược:**

- Tại thời điểm kiểm tra, Trung tâm chưa kiện toàn các Tiểu ban và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tiểu ban theo quy định: Tiểu ban Giám sát ADR và sai sót trong điều trị; Tiểu ban Giám sát sử dụng kháng sinh và theo dõi sự kháng thuốc của vi khuẩn gây bệnh thường gặp; Tiểu ban Xây dựng hướng dẫn điều trị; Tiểu ban Giám sát thông tin thuốc; Tiểu ban Xây dựng danh mục thuốc và giám sát sử dụng thuốc trong bệnh viện.

- Thành phần tham gia bình đơn thuốc, bình bệnh án chưa có cán bộ được tham dự; nội dung bình còn chung chung, chưa có đơn thuốc trong nội dung bình đơn; chưa thể hiện được nội dung nhận xét của các thành phần tham dự; nội dung bình đơn còn chưa cụ thể (năm 2022 và 6 tháng năm 2023).

*** Công tác quản lý, sử dụng thuốc trong bệnh viện:**

- Biên bản kiểm kê thuốc, vật tư tiêu hao hoá chất chưa ghi ngày kiểm kê, thành phần tham dự chưa ký tên (*tháng 4, tháng 5/2022*).

- Sổ bàn giao thuốc hằng ngày ghi chưa đúng theo quy định (hết thuốc ghi: “-”; quy định, ghi: 0).

- Sổ theo dõi sử dụng vật tư, sinh phẩm, hoá chất chưa cập nhật đầy đủ thông tin (khoa Xét nghiệm).

- Khoa Y học cổ truyền: Chưa có phác đồ vừng châm ở phòng châm cứu; chưa có hộp chống sốc ở phòng điện châm bệnh nhân Nam.

*** Công tác thực hành tốt bảo quản thuốc - GSP:**

- Một số ẩm kế, nhiệt kế hết hạn kiểm định: Kho cấp phát ngoại trú, kho vật tư y tế tiêu hao (30/6/2021).

- Tại thời điểm kiểm tra nhiệt độ kho không đạt yêu cầu (*Kho tổng, nhiệt độ tại thời điểm kiểm tra là 31,5 độ*).

- Chưa có sơ đồ kho tại tất cả các kho; nội quy kho không treo ở phía ngoài cửa kho.

*** Kết quả kiểm tra tại Trạm Y tế xã Chiềng Sinh:**

- Việc ghi chép hồ sơ quản lý bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng còn chưa đầy đủ thông tin: Ghi không đúng quy định về số lượng thuốc cấp phát cho bệnh

nhân (*quy định ghi số viên, nhưng lại ghi dấu “X”*); một số đầu số chưa được nhân viên, trưởng Trạm ký xác nhận theo quy định.

- Việc bảo quản thuốc hướng thần “H”, gây nghiện “N” chưa đúng quy định (*không có ngăn riêng để bảo quản tại tủ thuốc cấp cứu*).

- Danh mục thuốc hiện có tại tủ thuốc không đúng với danh mục thuốc niêm yết tại tủ: thiếu 02 loại thuốc so với danh mục niêm yết (Diazepam 5mg và Hỗn dịch xịt Salbutamol 100mcg/liều).

- Phân loại và thu gom rác thải tại Trạm chưa đúng quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; thiếu thùng đựng rác theo quy định: không có thùng màu vàng, trắng.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Ngoài những nguyên nhân khách quan do cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ chuyên môn, biên chế nhân lực; những tồn tại, hạn chế trong thực hiện quy chế chuyên môn do những nguyên nhân chủ quan sau:

- Khoa Dược chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế, quy định về công tác dược để kịp thời phát hiện các tồn tại trong thực hiện quy chế chuyên môn công tác dược tại đơn vị như đã nêu trên. Chưa tham mưu cho lãnh đạo Trung tâm kịp thời để đầu tư trang, thiết bị bảo quản thuốc.

- Phòng Kế hoạch - nghiệp vụ còn hạn chế trong công tác lưu trữ hồ sơ, bệnh án; soát, xét hồ sơ, bệnh án trước khi đề nghị cơ quan BHXH thanh toán theo quy định. Chưa tham mưu kịp thời cho lãnh đạo đơn vị để kiến nghị những bất cập trong khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn hiệu chưa đúng, chưa đầy đủ nội dung văn bản của Bộ Y tế về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế; dẫn đến việc tham mưu, hướng dẫn đơn vị thực hiện chưa đúng với quy định về quản lý chất thải y tế.

- Phòng Điều dưỡng không nghiên cứu kỹ văn bản; lúng túng, không thực hiện hoạt động sinh hoạt Hội đồng người bệnh cấp bệnh viện.

- Phòng Tổ chức hành chính - Quản trị chưa tham mưu kịp thời việc bố trí nhân lực phù hợp với khối lượng công việc tại Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn (*đặc biệt là việc phân loại, quản lý chất thải y tế; vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế; hệ thống nước chạy thận nhân tạo chỉ có 01 viên chức đảm nhiệm*).

4. Trách nhiệm của những tồn tại, hạn chế

Để xảy ra những tồn tại, hạn chế, trách nhiệm thuộc về:

- Giám đốc Trung tâm, với trách nhiệm là người đứng đầu đơn vị, chịu trách nhiệm chung về những tồn tại, hạn chế trong thực hiện quy chế chuyên môn khám, chữa bệnh của toàn đơn vị.

- Trưởng khoa Dược, chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế chuyên môn của viên chức tại khoa.

- Trưởng phòng Kế hoạch - nghiệp vụ chịu trách nhiệm về công tác lưu trữ hồ sơ, bệnh án, soát, xét hồ sơ, bệnh án.

- Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra, giám sát, tham mưu trong công tác kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Trưởng phòng Điều dưỡng chịu trách nhiệm về việc không tổ chức sinh hoạt Hội đồng người bệnh cấp bệnh viện theo quy định.

- Trưởng phòng Tổ chức hành chính - Quản trị chịu trách nhiệm tham mưu việc bố trí nhân lực chưa phù hợp.

(chi tiết tại Phụ lục 01, kèm Kết luận thanh tra)

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Đoàn thanh tra đã yêu cầu, đề nghị Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nội dung:

- Rà soát nhân lực, bố trí biên chế cho các khoa lâm sàng đảm bảo cho hoạt động chuyên môn.

- Quan tâm công tác đào tạo liên tục *(theo Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn về đào tạo liên tục cho cán bộ y tế)* cho các cán bộ chuyên môn y làm công tác điều trị để đảm bảo số tiết tham gia đào tạo liên tục theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế chuyên môn về KCB theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 về việc ban hành quy chế bệnh viện và các văn bản hiện hành.

- Đối với công tác Dược: Thực hiện hoàn thiện công tác đấu thầu đúng tiến độ và đúng quy định. Tiếp tục triển khai thực hiện các văn bản có liên quan đến công tác quản lý Dược. Tăng cường công tác quản lý hóa chất, sinh phẩm, vật tư để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật: xuất, nhập, báo cáo sử dụng theo đúng quy định. Đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo công tác bảo quản thuốc tốt - GSP (bổ sung điều hòa; kiểm định ẩm kế, nhiệt kế, ...).

- Công tác KCB, BHYT: Chỉ định sử dụng thuốc, thực hiện dịch vụ kỹ thuật, thủ thuật trong điều trị phù hợp với chẩn đoán bệnh và điều kiện thực tế của đơn vị, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Thực hiện nghiêm các quy định về trang phục y tế của cán bộ y tế theo quy định.

- Trung tâm chỉ đạo các bộ phận liên quan khắc phục ngay những tồn tại Đoàn thanh tra đã nêu trong biên bản thanh tra. Báo cáo kết quả khắc phục bằng văn bản trước Đoàn Thanh tra. Đặc biệt là có kế hoạch sử dụng ngay những thuốc cận hạn; Cân đối lượng thuốc tồn kho đảm bảo cho công tác điều trị. Rà soát danh mục thuốc, số lượng sử dụng tại đơn vị một cách hợp lý.

- Tiếp tục phối hợp tốt với BHXH huyện Tuần Giáo trong việc thẩm định, thanh quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT; đảm bảo quyền lợi của người bệnh khi đến khám bệnh, chữa bệnh.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Yêu cầu Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo

- Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo chỉ đạo các bộ phận liên quan khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế tại mục 2 phần III của Kết luận thanh tra này.

- Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xảy ra những tồn tại, hạn chế trong việc tham mưu, kiểm tra và triển khai thực hiện quy chế chuyên môn.

2. Yêu cầu phòng chức năng, chuyên môn nghiệp vụ Sở Y tế

- Phòng Kế hoạch - Tài chính: tham mưu Sở Y tế tìm các nguồn lực đầu tư, mua bổ sung trang thiết bị phục vụ chuyên môn cho Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo.

- Phòng nghiệp vụ Y – Dược: xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn KCB tại các đơn vị khám, chữa bệnh để kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh, giải quyết những tồn tại, vướng mắc.

- Phòng Tổ chức cán bộ: căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BYT, ngày 17/02/2023 của Bộ Y tế, kiến nghị các cơ quan chức năng bổ sung biên chế cho các đơn vị sự nghiệp Sở Y tế, để đảm bảo định mức nhân lực thực hiện các dịch vụ kỹ thuật KCB theo quy định.

3. Đề nghị BHXH tỉnh

Thu hồi và từ chối thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT sai quy định số tiền 18.758.770 đồng (*Bằng chữ: Mười tám triệu, bảy trăm năm tám nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng*). Trong đó:

+ Năm 2022: số tiền 12.747.935 đồng; kiến nghị thu hồi nộp vào Quỹ BHYT.

+ Năm 2023: số tiền quý I, II năm 2023 là 6.010.835 đồng; kiến nghị từ chối thanh toán vào kỳ quyết toán năm 2023.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; thực hiện quy định về tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo. Yêu cầu Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo công khai Kết luận thanh tra tại đơn vị trong cuộc họp giao ban, niêm yết công khai tại đơn vị trong 15 ngày làm việc liên tục; đồng thời nghiêm túc thực hiện những nội dung kết luận nêu trên. Báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Y tế (Thanh tra sở) trước ngày 19/9/2023./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo;
- Thanh tra tỉnh (B/C);
- BHXH tỉnh (để phối hợp);
- Công thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT; Thanh tra.

GIÁM ĐỐC

Phạm Giang Nam

Phụ lục 01:

TỔNG HỢP YÊU CẦU XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM
(Kèm theo Kết luận thanh tra số /KL-SYT ngày 23 /8/2023
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Điện Biên)

Số TT	Tên tổ chức/cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Xử lý trách nhiệm hành chính	Ghi chú
1	Giám đốc Trung tâm	Đề tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các quy định về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh; thực hiện quy định về tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.	x	
2	Trưởng khoa Dược	Đề tồn tại, hạn chế trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ của khoa Dược.	x	
3	Trưởng phòng Kế hoạch - nghiệp vụ	Đề tồn tại, hạn chế trong công tác lưu trữ hồ sơ, bệnh án; soát, xét hồ sơ, bệnh án.	x	
4	Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Đề tồn tại, hạn chế trong việc kiểm tra, giám sát, tham mưu trong công tác kiểm soát nhiễm khuẩn.	x	
5	Trưởng phòng Điều dưỡng	Không tổ chức sinh hoạt Hội đồng người bệnh cấp bệnh viện theo quy định.	x	
6	Trưởng phòng Tổ chức hành chính - Quản trị	Đề tồn tại, hạn chế công tác tham mưu việc bố trí nhân lực chưa phù hợp.	x	

Phụ lục 02:

DANH SÁCH DVKT AFB TRỰC TIẾP NHUỘM Ziehl-Neelsen THANH TOÁN SAI QUY ĐỊNH
Tại TTYT huyện Tuần Giáo

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã thẻ	Ngày vào	Ngày ra	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	BN - TT	BH - TT
1	LÒ THỊ HƯƠNG	2001-02-22	HN2111120228899	2022-01-10 10:31:00	2022-01-17 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
2	GIẢNG SÔNG HĂNG	1945-08-15	CK2111120274671	2022-02-18 13:03:00	2022-02-28 10:25:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
3	LÒ VĂN BƯỞNG	1959-06-14	DT2111120219628	2022-03-17 08:06:00	2022-03-24 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
4	LÙ VĂN Ộ	1980-01-01	HN2111120271503	2022-03-29 07:54:00	2022-04-05 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
5	LÒ VĂN PHONG	1965-08-15	DT2111120206284	2022-05-04 15:16:00	2022-05-09 10:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
6	LÒ THỊ LỢI	1974-05-02	DT2111120276058	2022-06-20 08:03:00	2022-06-20 14:41:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
7	BẠC CẨM HƯỜNG	2001-07-03	HN2111120501378	2022-06-22 17:24:00	2022-06-28 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
8	LÒ THỊ TÂM	2006-12-29	HN2111120207276	2022-06-02 14:42:00	2022-06-14 08:30:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
9	QUẢNG VĂN ÚT	1994-04-24	HN2111120265066	2022-06-06 09:39:00	2022-06-16 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
10	LƯỜNG THỊ LÃ	1988-03-07	HN2111120716885	2022-07-25 07:40:00	2022-07-25 10:41:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
11	CÀ THỊ PHƯƠNG	1992-01-05	HN2121220191105	2022-07-11 09:00:00	2022-07-11 15:18:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
12	CÀ THỊ LÃ	1990-10-11	DN2111114001148	2022-07-11 10:10:00	2022-07-11 15:35:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
13	LÒ VĂN HÒA	1977-06-20	HN2111120277545	2022-06-22 15:07:00	2022-07-01 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
14	LÒ THỊ NHÂN	1964-09-20	DT2141420310128	2022-07-25 09:14:00	2022-08-02 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
15	SÙNG THỊ CHỦ	1975-01-01	HN2111120211840	2022-09-17 13:13:00	2022-09-26 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
16	LÒ VĂN LƯƠNG	1992-12-15	DT2111120202005	2022-10-18 09:35:00	2022-10-18 14:52:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
17	LÒ THỊ LÃ	1973-01-01	HN2111120210956	2022-10-20 07:56:00	2022-10-20 10:35:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
18	LƯỜNG THỊ LIÊN	1988-04-15	HN2111120223803	2022-10-20 08:10:00	2022-10-20 10:44:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
19	LÒ VĂN ĐOÀN	1977-01-01	HN2111120259875	2022-10-24 08:35:00	2022-10-24 10:46:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
20	LÒ VĂN TUẤN	1982-12-20	HN2111120258613	2022-10-28 10:04:00	2022-10-28 15:35:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
21	QUẢNG VĂN CHUNG	1994-04-15	DT2111120270483	2022-10-31 08:24:00	2022-10-31 10:49:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
22	TÔNG VĂN HÙNG	1987-10-10	HN2111120274456	2022-10-28 07:54:00	2022-10-28 10:41:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
23	LÒ VĂN HẢI	1989-02-20	HN2111120260208	2022-10-26 07:31:00	2022-10-26 09:47:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
24	TÔNG VĂN HƯƠNG	1985-04-10	HN2111115000538	2022-10-27 07:25:00	2022-10-27 10:18:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000

25	LÒ VĂN HƯƠNG	1971-08-10	CN3111120256303	2022-10-28 07:36:00	2022-10-28 16:21:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
26	CHU VĂN DUYÊN	1972-03-05	DK2111120218136	2022-10-26 08:51:00	2022-10-26 10:50:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
27	LÒ VĂN XIÊN	1964-01-01	DT2111120271870	2022-11-08 07:18:00	2022-11-08 10:31:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
28	LÒ THỊ ỤA	1950-10-20	BT2111120260848	2022-10-27 14:40:00	2022-11-03 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
29	LƯỜNG VĂN THÀNH	1991-08-15	HN2111120201946	2022-11-08 07:24:00	2022-11-08 10:39:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
30	VÀNG THỊ SÚ	1962-01-01	HN2111120273952	2022-10-26 08:24:00	2022-11-03 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
31	TÔNG VĂN TIẾP	1979-04-03	HN2111120258488	2022-11-11 14:17:00	2022-11-11 16:18:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
32	LÒ THỊ THƠM	1985-08-28	DT2111120249086	2022-11-16 07:57:00	2022-11-16 10:30:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
33	LÒ THỊ HẠC	1988-10-24	HN2111120202654	2022-11-16 08:01:00	2022-11-16 10:37:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
34	QUẢNG VĂN KIÊM	1985-11-06	HN2111120279732	2022-11-02 08:55:00	2022-11-02 10:42:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
35	PHẠM VĂN DŨNG	1975-06-16	GD4111120255194	2022-11-02 08:46:00	2022-11-02 14:08:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
36	TÔNG VĂN THUẬN	1969-01-01	HN2111120222435	2022-11-15 16:04:00	2022-11-17 15:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
37	NGÀ THỊ HIÊN	1987-05-28	DT2110115169403	2022-11-09 08:50:00	2022-11-09 10:21:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
38	LƯƠNG VĂN HƯƠNG	1980-06-02	DT2111120210379	2022-11-17 07:31:00	2022-11-17 10:12:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
39	LÒ VĂN SAN	1966-01-01	HN2111120246301	2022-11-03 07:50:00	2022-11-03 10:23:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
40	QUẢNG VĂN TỬA	1982-04-01	HN2111120228998	2022-11-10 08:29:00	2022-11-10 10:22:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
41	LÒ VĂN LÚN	1978-12-24	DT2111120260196	2022-10-26 13:50:00	2022-11-03 07:40:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
42	LƯƠNG VĂN HÒA	1987-05-06	HN2111120220199	2022-11-10 09:03:00	2022-11-10 16:16:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
43	VŨ THỊ HỒNG	1958-01-01	DK2111120271931	2022-10-28 07:36:00	2022-11-07 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
44	LƯƠNG VĂN KHÚN	1969-05-15	HN2111120255906	2022-11-04 07:40:00	2022-11-04 10:08:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
45	QUẢNG THỊ THIÊN	1994-03-13	HN2111120253970	2022-11-15 07:55:00	2022-11-15 10:35:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
46	LÒ THỊ THỘI	1969-01-01	HN2111120225236	2022-11-10 14:06:00	2022-11-17 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
47	LÒ VĂN CHU	1987-11-01	HN2111120249842	2022-10-31 15:48:00	2022-11-07 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
Cộng năm 2022								47	3.196.000	3.196.000	0	3.196.000
48	CÀ VĂN HINH	1958-05-14	HN2111120218900	2023-06-06 08:05:00	2023-06-13 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
49	NGUYỄN XUÂN HUẤN	1946-06-08	HT2111120217026	2023-06-14 09:24:00	2023-06-27 08:10:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
50	NGUYỄN THỊ THÁI	1950-03-04	HT3111120227132	2023-06-19 14:44:00	2023-06-26 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	3.400	64.600	
51	NGUYỄN THỊ KHANH	1947-02-13	HT2111120248278	2023-06-07 07:50:00	2023-06-15 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	
52	QUẢNG VĂN PHÂN	1961-11-20	HN2111120227637	2023-06-07 07:35:00	2023-06-14 10:30:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000	

53	CÀ VĂN ĐOÀN	1968-09-02	HN2111120259982	2023-06-03 04:32:00	2023-06-13 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
54	LÒ VĂN ÁNH	1990-08-12	DT2111120219213	2023-06-09 07:47:00	2023-06-16 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
55	LÒ THỊ LUNG	1958-09-20	DT2111120233949	2023-06-07 08:32:00	2023-06-14 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
56	LÊ THỊ THÁI	1943-02-10	HT2111120213481	2023-06-07 14:14:00	2023-06-15 08:00:00	Lần	1	68.000	68.000	0	68.000
Cộng năm 2023							9	612.000	612.000	3.400	608.600
Tổng cộng							56	3.808.000	3.808.000	3.400	3.804.600

Phụ lục 04:**DỊCH VỤ KỸ THUẬT THANH TOÁN CHƯA ĐÚNG QUY ĐỊNH**

STT	HO TEN	NGAY SINH	MA THE	NGAY VAO	NGAY RA	TEN CP	SO LUONG	DON GIA	THANH TIEN	BNCT	BHTC
I	NĂM 2022						191		7.964.700	18.765	7.945.935
1	NGUYỄN TUẤN	1976-03-27	HC4116205001080	2022-01-19 08:45:00	2022-01-19 14:28:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
2	LƯỜNG VĂN XIẾN	1971-05-19	HN2111120260940	2022-01-07 08:18:00	2022-01-07 08:57:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
3	LÒ VĂN HÂN	2010-11-25	HN2111120131897	2022-01-10 09:02:00	2022-01-10 09:33:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
4	LÒ VIỆT LUÂN	2011-10-20	HN2111120238227	2022-01-11 10:37:00	2022-01-11 10:53:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
5	CÀ THỊ HÁI	1983-11-21	HN2111120205557	2022-01-27 07:33:00	2022-01-27 08:34:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
6	GIẢNG A LY	1998-11-17	DT2111120225512	2022-01-18 13:57:00	2022-01-18 14:18:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
7	QUẢNG VĂN LINH	1956-11-27	HT21111297012838	2022-01-09 15:54:00	2022-01-13 09:00:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
8	LÒ VĂN ĐIỆP	2003-10-10	HN2111120258069	2022-02-10 14:54:00	2022-02-10 15:44:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
9	VŨ A CỬA	2003-12-18	HN2111120228710	2022-02-11 07:29:00	2022-02-11 07:55:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
10	LÒ THỊ NỘI	1993-01-01	DT2111120237321	2022-02-17 08:59:00	2022-02-17 09:47:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
11	LÒ THỊ THÍNH	1990-12-25	HN2111120267658	2022-02-08 08:57:00	2022-02-14 08:00:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
12	QUẢNG TRUNG HẬU	2021-04-30	TE1111120770867	2022-02-25 09:56:00	2022-02-25 10:23:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
13	NGUYỄN THỊ THẢO	1974-02-05	HC4111299017321	2022-02-28 14:54:00	2022-02-28 15:11:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
14	GIẢNG MINH CHÂU	2006-02-26	DT2111120241848	2022-03-09 09:24:00	2022-03-09 09:54:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
15	NGUYỄN VĂN QUY	1951-09-06	HT3111296000879	2022-03-10 08:24:00	2022-03-10 08:50:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	2.085	39.615
16	QUẢNG VĂN THOA	1978-01-01	HN2111120259091	2022-03-17 14:43:00	2022-03-17 15:31:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
17	NÔNG TRUNG THÔNG	1953-06-20	HT2111296001903	2022-03-29 07:20:00	2022-03-29 07:49:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
18	LƯỜNG VĂN HIỆP	2004-12-14	DT2111120209375	2022-03-11 08:12:00	2022-03-11 08:38:00	Vi nắm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
19	LÀNH THỊ HẠNH	1993-08-12	HN2111120226297	2022-03-22 07:38:00	2022-03-22 09:43:00	Vi nắm soi tươi	1				

								41.700	41.700	-	41.700
20	NGUYỄN VĂN LỆ	1962-01-01	DK2111120277912	2022-03-14 08:29:00	2022-03-14 08:59:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
21	LÒ VĂN THÀNH	2004-11-27	DT2111120242484	2022-03-21 10:05:00	2022-03-21 10:41:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
22	LÒ TRÚC AN	2016-08-05	TE1111120645441	2022-04-08 08:04:00	2022-04-08 08:55:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
23	QUẢNG THỊ KIẾN	2001-06-15	BT2111120504513	2022-04-05 08:12:00	2022-04-05 08:45:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
24	NGUYỄN VĂN HÙNG	1966-01-24	GD4111120600949	2022-04-18 07:43:00	2022-04-18 09:33:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	8.340	33.360
25	LÒ VĂN TIẾN	1977-11-27	DT2111120208750	2022-04-13 07:57:00	2022-04-13 10:16:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
26	LÒ THỊ PIẾNG	1962-05-20	HN2111120244872	2022-04-15 13:43:00	2022-04-15 14:35:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
27	BÙI NGỌC HUYỀN	1964-01-10	DK2111120258493	2022-04-19 08:25:00	2022-04-19 14:01:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
28	CÀ XUÂN THỊNH	2010-04-22	HN2111120244129	2022-04-20 08:30:00	2022-04-20 09:08:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
29	QUẢNG BẢO DUY	2020-09-30	TE1111120761117	2022-04-28 08:50:00	2022-04-28 09:48:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
30	QUẢNG VĂN CHANH	1979-05-22	HN2111120255656	2022-04-28 07:33:00	2022-04-28 08:15:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
31	LÒ THỊ THÍNH	1990-12-25	HN2111120267658	2022-04-19 16:17:00	2022-04-22 18:30:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
32	LƯỜNG BẢO QUYẾT	2015-09-03	HN2111120209538	2022-05-20 14:01:00	2022-05-20 14:40:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
33	QUẢNG VĂN CHANH	1979-05-22	HN2111120255656	2022-05-24 14:24:00	2022-05-24 15:16:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
34	THẢO A ĐÉ	1994-01-01	HN2111120280535	2022-05-17 13:58:00	2022-05-23 08:30:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
35	LƯỜNG THỊ MAI	1987-01-01	HN2111120265107	2022-05-11 08:02:00	2022-05-11 09:23:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
36	QUẢNG VĂN CHÁP	1973-01-01	HN2111120256032	2022-05-23 08:01:00	2022-05-23 09:57:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
37	LÒ THỊ HOÀN	1973-02-01	DT2111120208714	2022-05-19 07:37:00	2022-05-19 08:29:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
38	LÊ THỊ HỢI	1959-03-03	HT2111298014178	2022-05-19 08:02:00	2022-05-19 09:19:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
39	LƯỜNG THỊ SÁNG	1995-10-20	HN2111120213805	2022-05-30 08:28:00	2022-05-30 09:05:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
40	LÒ THỊ THUẬN	1987-10-03	HN2111120218954	2022-05-19 09:15:00	2022-05-19 10:33:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
41	LÒ DUY KHẢI	2016-04-10	TE1111120272578	2022-05-20 08:06:00	2022-05-20 08:40:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
42	QUẢNG THỊ MÃN	2020-09-21	TE1111120768184	2022-05-05 08:12:00	2022-05-12 08:30:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

43	QUẢNG VĂN TUÂN	1999-10-20	HN2111120257238	2022-05-30 09:23:00	2022-05-30 10:35:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
44	LÒ THỊ PIỆNG	1945-10-06	GD4111120242946	2022-05-26 08:22:00	2022-05-26 09:12:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
45	LÒ THANH LIÊM	2018-11-19	TE1111120706058	2022-04-25 07:47:00	2022-05-04 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
46	LƯỠNG VĂN HOÁN	1967-04-03	BT2111120258288	2022-05-17 08:51:00	2022-05-17 10:25:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
47	MÙA A TUÂN	2004-08-10	HN2111120231024	2022-05-13 14:22:00	2022-05-13 15:11:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
48	NÔNG TRUNG THÔNG	1953-06-20	HT2111296001903	2022-05-06 07:41:00	2022-05-06 08:08:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
49	LƯỠNG VĂN CHIỀNG	1974-12-17	HN2111120279872	2022-05-04 07:35:00	2022-05-04 09:59:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
50	PHẠM XUÂN NGỌC	1978-02-05	HC2116204001294	2022-05-06 07:39:00	2022-05-06 08:57:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
51	QUẢNG THỊ PÒM	1977-01-01	HN2111120263750	2022-05-05 13:48:00	2022-05-05 14:16:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
52	LÒ THỊ LY	1990-04-15	HN2111120228772	2022-05-05 10:06:00	2022-05-05 10:26:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
53	LƯỠNG VĂN HƯƠNG	1992-06-15	HN2111120279750	2022-05-10 08:58:00	2022-05-10 09:35:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
54	LÒ VĂN TƯỜNG	1991-09-17	HC2111116001410	2022-05-31 09:06:00	2022-05-31 10:10:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
55	LÒ VĂN PHƯƠNG	1989-12-13	HC2111111001651	2022-06-07 08:38:00	2022-06-07 09:06:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
56	LÒ THỊ NGA	2005-09-25	DT2111120242863	2022-06-30 14:54:00	2022-06-30 15:45:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
57	ĐÀM THỊ NGOAN	1957-03-02	HT2111120203552	2022-06-10 07:22:00	2022-06-10 08:47:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
58	HOÀNG VIỆT CƯỜNG	2012-10-28	DK2111120262158	2022-06-20 08:18:00	2022-06-20 09:06:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
59	QUẢNG THỊ HẠ VY	2018-06-21	TE1111120671601	2022-06-16 08:05:00	2022-06-16 08:50:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
60	CÀ BẢO THANH	2009-11-28	HN2111120226013	2022-06-29 07:55:00	2022-06-29 08:29:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
61	LƯỠNG VĂN AN	2007-11-11	DT2111120263135	2022-06-27 09:18:00	2022-06-27 10:02:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
62	QUẢNG KIM HUỆ	2017-11-24	TE1111120658208	2022-06-20 09:00:00	2022-06-20 10:28:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
63	GIÀNG A NÍNH	1967-02-03	HN2111120243407	2022-06-28 07:46:00	2022-06-28 08:20:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
64	LÒ THỊ GIA HÂN	2021-12-04	TE1111120784498	2022-06-17 07:29:00	2022-06-17 08:49:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
65	VÀNG THỊ LAN	1988-01-01	DT2111120230454	2022-06-01 15:04:00	2022-06-01 16:05:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
66	LÒ THỊ THƠM	2000-05-09	DT2111420153794	2022-06-27 14:31:00	2022-06-27 15:04:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

67	LÒ VĂN THƯƠNG	1978-11-11	HN2111120263115	2022-06-13 08:46:00	2022-06-13 09:21:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
68	QUẢNG THỊ XUÂN LỢI	2012-08-27	DT2111120480233	2022-06-13 07:14:00	2022-06-13 08:48:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
69	GIÀNG A TÙNG	1981-09-15	HN2111120261764	2022-06-15 16:22:00	2022-06-22 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
70	QUẢNG VĂN THIỆU	1992-10-10	HN2111120226917	2022-06-09 09:39:00	2022-06-09 10:13:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
71	LƯỠNG THỊ HƯỜNG	2004-01-27	DN4241120252736	2022-06-21 14:09:00	2022-06-21 14:40:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
72	CÀ VĂN LOAN	1992-04-05	DT2111120233187	2022-05-31 08:25:00	2022-06-06 08:30:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
73	LÒ THỊ NGOAN	1991-03-18	HN2111120217240	2022-07-19 08:45:00	2022-07-25 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
74	BẠC CẨM UÔN	2005-10-12	DT2111120243361	2022-07-22 14:37:00	2022-07-22 15:48:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
75	LƯỠNG THỊ DUNG	2010-11-26	HN2111120250359	2022-07-04 08:45:00	2022-07-04 09:16:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
76	QUẢNG VĂN QUÝ	2007-04-19	DT2111120211516	2022-07-20 14:16:00	2022-07-20 15:20:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
77	LÒ THỊ PHƯỢNG	1992-04-16	HC2111113002390	2022-07-07 09:04:00	2022-07-07 09:28:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
78	LÒ MINH QUÂN	2012-01-06	HN2111120248481	2022-07-13 08:10:00	2022-07-13 14:53:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
79	GIÀNG A TÙNG	1981-09-15	HN2111120261764	2022-07-13 09:32:00	2022-07-13 10:17:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
80	QUẢNG GIA HƯNG	2021-12-03	TE1111120782259	2022-07-15 08:34:00	2022-07-15 09:01:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
81	LÒ THỊ PHÒNG	2006-09-08	DT2111120285222	2022-07-26 07:29:00	2022-07-26 07:56:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
82	LÒ VĂN ĐẠT	2004-01-20	DT2111120213786	2022-07-11 07:50:00	2022-07-11 09:06:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
83	LÒ VĂN DU	1988-05-16	HN2111120268383	2022-07-27 08:25:00	2022-07-27 09:16:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
84	LÒ VĂN ĐÌNH	1989-07-15	DT2141420295933	2022-07-22 14:13:00	2022-07-22 14:57:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
85	LÒ VĂN THÁI	2013-11-14	HN2111120638706	2022-07-14 14:01:00	2022-07-14 14:24:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
86	SÙNG CHÍ SĨNH	1988-10-01	DT2111120240122	2022-07-26 14:08:00	2022-07-26 14:46:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
87	LÒ THỊ LỢI	1989-09-04	HC4111113000964	2022-07-28 08:59:00	2022-07-28 09:46:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
88	ĐẶNG BÌNH AN	2016-04-23	TE1111120635943	2022-07-28 09:00:00	2022-07-28 09:48:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
89	LƯỠNG ĐIỂM QUỲNH	2019-08-18	TE1111120746738	2022-08-02 15:06:00	2022-08-09 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
90	GIÀNG A MUA	2021-09-16	TE1111120783287	2022-08-21 15:27:00	2022-08-24 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

91	LÒ VĂN BÓNG	1987-01-20	HN2111120281560	2022-08-02 07:16:00	2022-08-02 08:13:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
92	LÒ VĂN XUÂN	1961-08-01	DT2111120208828	2022-08-04 07:26:00	2022-08-04 09:19:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
93	LÒ THỊ ĐOAN	1959-06-06	HN2111120240685	2022-08-17 08:00:00	2022-08-17 08:47:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
94	QUẢNG THỊ CHUỖI	1970-12-01	DT2111120244807	2022-08-23 07:59:00	2022-08-23 08:26:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
95	BÙI VIỆT HOÀNG	2003-12-15	SV4011120273247	2022-08-15 15:33:00	2022-08-15 16:03:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
96	VŨ ANH MINH	2005-11-06	HS4111120570037	2022-08-17 09:10:00	2022-08-17 10:09:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
97	LÒ THỊ THINH	1984-01-01	HN2111120233524	2022-08-02 15:17:00	2022-08-02 16:04:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
98	LƯỠNG VĂN HOA	2000-03-27	DT2111120253445	2022-08-04 07:42:00	2022-08-04 08:19:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
99	LÒ VĂN THỜI	1979-03-08	DT2111120238049	2022-08-02 07:47:00	2022-08-02 08:15:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
100	LƯỠNG THỊ NỘI	1966-06-10	DT2111120280008	2022-08-23 07:37:00	2022-08-23 07:57:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
101	LƯỠNG VĂN XIÊN	1971-05-19	HN2111120260940	2022-08-23 07:30:00	2022-08-23 09:35:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
102	LÒ VĂN CHƯƠNG	2000-04-05	HN2111120279192	2022-08-25 14:16:00	2022-08-25 15:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
103	QUẢNG THỊ THỊN	1967-06-15	HN2111120203302	2022-08-10 09:37:00	2022-08-10 09:58:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
104	LÒ THỊ DANH	1977-12-31	DT2111120272758	2022-08-12 14:43:00	2022-08-12 15:16:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
105	LÒ VĂN PĂNG	1938-10-10	XN2111120256431	2022-08-15 07:20:00	2022-08-15 08:33:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
106	LÒ THỊ TÌNH	2015-08-13	HN2111120253966	2022-08-16 08:27:00	2022-08-16 09:43:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
107	SÙNG A NHÌA	1999-02-18	HN2111120243967	2022-08-31 08:03:00	2022-08-31 09:49:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
108	LÒ VĂN THIÊN	1967-12-02	DT2111120269795	2022-08-31 09:09:00	2022-08-31 09:31:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
109	LƯỠNG THỊ ÚT	1999-06-29	DT2111120251053	2022-08-31 09:05:00	2022-08-31 10:01:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
110	QUẢNG VĂN TIẾN	2001-03-30	HN2111120269477	2022-08-08 15:31:00	2022-08-08 16:33:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
111	LÊ NGỌC SƠN	1985-04-02	DN4116409007703	2022-08-16 14:30:00	2022-08-16 15:11:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
112	LÒ THỊ KIM KHUYẾN	2017-08-07	TE1111120656422	2022-08-03 09:00:00	2022-08-03 09:58:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
113	LÒ THỊ THƯƠNG	1998-02-05	HN2111120659813	2022-08-05 08:14:00	2022-08-05 09:17:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
114	LÒ VĂN NGHIÊN	1968-10-05	DT2111120253457	2022-08-05 08:23:00	2022-08-05 09:10:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

115	QUẢNG VĂN MINH	1995-05-08	HN2111120229636	2022-08-03 15:45:00	2022-08-03 16:10:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
116	LƯỜNG THỊ TÂM	2005-01-02	HN2111120219790	2022-08-05 09:57:00	2022-08-05 10:24:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
117	LƯỜNG VĂN CHIẾNG	1974-12-17	HN2111120279872	2022-08-19 07:31:00	2022-08-19 08:26:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
118	LÒ VĂN HOÀNG	2006-05-15	HN2111120261759	2022-09-19 08:25:00	2022-09-19 09:21:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
119	QUẢNG THỊ THÂN	2008-05-19	HN2111120271723	2022-09-21 08:05:00	2022-09-21 14:16:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
120	LƯỜNG TUẤN ANH	2012-10-01	HN2111120279160	2022-09-05 13:52:00	2022-09-05 14:42:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
121	LƯỜNG THỊ VUI	1992-10-10	HN2111120207982	2022-09-07 08:17:00	2022-09-07 08:50:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
122	QUẢNG VĂN KHẢI	2016-06-25	TE1111120639870	2022-09-09 15:08:00	2022-09-09 15:46:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
123	LÒ MINH SƠN	2012-09-15	DT2111120490191	2022-09-29 14:15:00	2022-09-29 14:49:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
124	LƯỜNG BẢO CHANG	2014-04-25	HN2111120279094	2022-09-05 13:54:00	2022-09-05 14:44:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
125	CÀ VĂN HIỆU	2004-12-09	HN2111120243682	2022-09-13 15:13:00	2022-09-13 16:25:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
126	TRỊNH QUANG HIỆU	2005-08-20	BT2111120265478	2022-09-12 07:52:00	2022-09-12 09:25:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
127	LÒ TUẤN TÀI	2020-10-12	TE1111120761399	2022-09-15 15:04:00	2022-09-15 16:43:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
128	QUẢNG THỊ CHIẾN	1961-05-20	DT2111120234010	2022-09-06 14:26:00	2022-09-06 14:44:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
129	QUẢNG THỊ HƯƠNG	1999-04-03	DT2111120224136	2022-09-12 08:31:00	2022-09-12 09:19:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
130	LÒ THỊ THENG	1971-01-01	HN2111120140940	2022-09-14 09:15:00	2022-09-14 14:22:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
131	LÒ BÌNH CHI	2015-05-15	DT2111120258154	2022-09-22 13:44:00	2022-09-22 14:21:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
132	LƯỜNG PHƯƠNG ANH	2008-10-26	DT2111120237500	2022-09-06 09:06:00	2022-09-06 09:37:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
133	LÊ GIA HÂN	2016-01-01	TE1111120237741	2022-09-16 07:25:00	2022-09-16 08:30:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
134	LƯỜNG VĂN HÙNG	2006-02-11	DT2111120247450	2022-09-06 14:11:00	2022-09-06 14:40:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
135	QUẢNG VĂN HÙNG	2010-08-10	DT2111120241975	2022-09-28 07:48:00	2022-09-28 09:32:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
136	HOÀNG THỊ SINH	1994-10-07	DK2111220460329	2022-09-28 08:09:00	2022-09-28 09:46:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
137	NỪNG THỊ KHOẢN	1961-10-20	DT2111120252184	2022-09-28 09:08:00	2022-09-28 09:47:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
138	QUẢNG TUẤN ANH	2018-04-30	TE1111120674202	2022-09-09 08:32:00	2022-09-09 09:10:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

139	LÒ VĂN NHÂN	1967-06-17	KC2111120223089	2022-09-13 08:00:00	2022-09-13 08:27:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
140	LÒ VĂN MINH	2005-10-22	DT2111120261519	2022-10-10 07:21:00	2022-10-17 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
141	VĨ A MÀNG	2010-08-10	HN2111120242444	2022-10-12 15:38:00	2022-10-21 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
142	QUẢNG THỊ THÚY NGÂN	2009-11-30	HN2111120267430	2022-10-06 13:59:00	2022-10-06 14:39:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
143	LÒ THỊ NGÂN	1997-07-20	DT2111120267725	2022-10-12 14:10:00	2022-10-12 15:04:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
144	LÒ BẢO CHÂU	2018-05-03	TE1111120663626	2022-10-18 14:09:00	2022-10-18 14:42:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
145	CÀ VĂN TUN	1964-05-10	DT2111120253320	2022-10-24 08:34:00	2022-10-24 09:44:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
146	LƯỜNG VĂN HỒI	1994-04-23	HN2111120201311	2022-10-24 08:14:00	2022-10-24 09:18:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
147	SÙNG THỊ PHƯƠNG	2018-09-04	TE1111120721371	2022-10-17 10:27:00	2022-10-17 13:48:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
148	LÒ VĂN LONG	2005-01-15	DT2111120256576	2022-10-04 14:44:00	2022-10-04 15:27:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
149	LÒ VĂN NÚI	1972-06-18	DT2111120253161	2022-10-18 08:07:00	2022-10-18 10:34:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
150	LÒ THỊ LAN	1969-04-10	HN2111120218061	2022-10-28 15:27:00	2022-10-28 15:58:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
151	CÀ THỊ THẨM	1997-07-09	DT2111120254483	2022-10-19 08:49:00	2022-10-19 10:05:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
152	LÒ THỊ SEN	1995-03-10	HN2111120209545	2022-10-04 01:50:00	2022-10-10 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
153	LÒ THỊ NHAU	1954-01-01	DT2111120255356	2022-10-13 08:25:00	2022-10-13 09:49:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
154	TÔNG THỊ LÂM	1992-01-01	HN2111120277978	2022-10-18 08:39:00	2022-10-18 09:38:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
155	VÌ A CHÍNH	1991-05-08	HN2111120253910	2022-10-28 15:58:00	2022-10-28 16:20:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
156	THẢO THỊ PÀ	1989-08-06	HN2111120259273	2022-11-24 09:21:00	2022-11-24 10:34:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
157	LÂU THỊ CHÍA	1959-05-20	HN2111120243612	2022-11-01 16:02:00	2022-11-01 16:51:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
158	NỪNG NHÃ UYÊN	2017-01-09	TE1111120640289	2022-11-04 09:41:00	2022-11-04 10:41:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
159	LÒ VĂN QUYÊN	2012-01-23	HN2111120266266	2022-11-07 07:57:00	2022-11-07 08:57:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
160	LÒ DUY QUANG	2014-04-19	HN2111120211059	2022-11-07 07:57:00	2022-11-07 08:59:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
161	QUẢNG THỊ NGA	1992-10-16	DT2111120492555	2022-11-30 15:26:00	2022-11-30 15:52:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
162	LÒ THỊ HÁNH	1956-06-05	DT2111120249358	2022-11-09 08:29:00	2022-11-09 09:02:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

163	LƯỜNG VĂN DÂN	2006-05-01	BT2111120252672	2022-11-02 14:07:00	2022-11-02 15:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
164	QUẢNG TRÀ MY	2020-05-10	TE1111120756363	2022-11-07 08:32:00	2022-11-07 09:38:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
165	LƯỜNG VĂN HOÀN	1962-10-01	HN2111120282573	2022-11-25 08:00:00	2022-11-25 08:38:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
166	LÒ THỊ VIỆT	1992-08-19	DT2111120203005	2022-11-09 15:12:00	2022-11-09 15:33:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
167	LÒ VĂN TOÀN	1986-12-16	HN2111120201656	2022-11-23 08:50:00	2022-11-23 09:36:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
168	MÙA DUY PHONG	2013-04-30	DT2111120270362	2022-11-29 07:42:00	2022-11-29 08:47:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
169	LÒ VĂN TƯƠI	1981-05-10	DT2141420264181	2022-11-21 09:46:00	2022-11-21 10:42:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
170	LÒ VĂN LONG	2001-10-15	DT2111120271711	2022-11-21 14:05:00	2022-11-21 14:18:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
171	HOÀNG VĂN SƠN	1958-10-10	GD4111120242062	2022-11-28 13:50:00	2022-11-28 14:08:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
172	LÒ ANH TIẾN	2012-05-02	HN2111120481493	2022-11-28 13:56:00	2022-11-28 14:23:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
173	LÒ VĂN THIÊM	1990-05-21	DT2111120219789	2022-11-10 08:53:00	2022-11-10 09:28:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
174	MÙA THỊ CÁ	2004-07-27	HN2111120275909	2022-11-10 15:25:00	2022-11-10 16:31:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
175	CÀ VĂN DANH	2003-01-26	HN2111120284679	2022-11-28 14:14:00	2022-11-28 14:41:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
176	LẦU A SÙNG	1985-05-05	HN2111120221241	2022-11-23 10:14:00	2022-11-29 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
177	LÒ VĂN DUNG	1982-01-08	HN2111120237428	2022-11-15 08:06:00	2022-11-21 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
178	NGUYỄN VĂN HÒA	1966-08-22	HC41111297006786	2022-11-15 14:25:00	2022-11-21 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	8.340	33.360
179	LÒ VĂN THUẬN	1973-09-05	HN2111120223101	2022-12-22 09:54:00	2022-12-22 10:44:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
180	TÔNG THỊ HIỀN	1987-07-10	HN2111120261407	2022-12-09 08:04:00	2022-12-09 08:57:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
181	LÒ THỊ ONG	1986-08-16	HN2111120245395	2022-12-14 08:18:00	2022-12-14 08:53:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
182	LÒ THỊ ĐOAN	1959-06-06	HN2111120240685	2022-12-02 13:58:00	2022-12-02 14:31:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
183	LÒ THỊ NGOAN	1996-06-18	DT2111120206057	2022-12-14 08:34:00	2022-12-14 09:02:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
184	QUẢNG VĂN THIÊN	1971-09-19	DT2111120224545	2022-12-05 07:35:00	2022-12-05 08:02:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
185	CÀ VĂN HOÀNG	2006-08-28	DT2111120221547	2022-12-09 14:33:00	2022-12-09 15:14:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
186	ĐẶNG VĂN QUÂN	1966-08-21	HN2111120283678	2022-12-14 13:44:00	2022-12-14 14:25:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

187	LƯỜNG VĂN BẢO	2010-08-16	HN2111120270983	2022-12-28 13:39:00	2022-12-28 14:20:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
188	LƯỜNG PHƯƠNG ANH	2008-10-26	DT2111120237500	2022-12-28 14:42:00	2022-12-28 15:28:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
189	LÒ THỊ MẠNH	1987-04-19	DT2111120273386	2022-12-28 14:43:00	2022-12-28 15:31:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
190	LÒ THỊ BAN	1954-12-12	HN2111120255096	2022-12-05 08:18:00	2022-12-05 10:20:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
191	VŨ THỊ HỒNG NGỌC	2018-02-04	TE1111120668629	2022-12-27 07:55:00	2022-12-27 08:52:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
II	NĂM 2023						130		5.421.000	18.765	5.402.235
1	CÀ VĂN HOA	1985-08-28	HN2111120284831	2023-01-10 14:31:00	2023-01-10 15:20:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
2	QUẢNG VĂN MY	1956-11-03	DT2111120217661	2023-01-11 14:45:00	2023-01-11 15:23:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
3	LÒ THỊ CHẤP	1956-03-10	HN2111120237618	2023-02-06 07:19:00	2023-02-06 08:07:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
4	LÒ THỊ TỚI	1995-06-10	DT2111120211596	2023-02-03 15:02:00	2023-02-03 16:17:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
5	MÙA A CHUNG	2006-06-20	HN2111120223113	2023-02-03 09:21:00	2023-02-03 09:46:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
6	MÀO VĂN ĐOÁN	1993-08-10	DT2111120202716	2023-02-03 15:00:00	2023-02-03 16:20:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
7	LÒ VĂN NGHIÊN	1968-10-05	DT2111120253457	2023-02-03 07:32:00	2023-02-03 08:49:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
8	LÒ NHẬT HUY	2019-12-13	TE1111120747603	2023-02-06 09:24:00	2023-02-06 10:35:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
9	LÒ VĂN SƠN	2011-09-04	HN2111120280985	2023-02-08 14:59:00	2023-02-08 15:25:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
10	QUẢNG VĂN XƯƠNG	1970-07-07	HN2111120209150	2023-02-07 08:00:00	2023-02-07 08:31:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
11	LÒ THỊ LÃNG	1950-09-10	DT2111120279467	2023-02-09 07:42:00	2023-02-09 08:32:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
12	LƯỜNG THỊ TIÊN	2001-10-20	DT2111120239595	2023-02-10 15:05:00	2023-02-10 16:04:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
13	LƯỜNG THỊ THƯỜNG	1981-09-03	DT2111120279207	2023-02-13 14:29:00	2023-02-13 15:07:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
14	QUẢNG THỊ BÍCH THẢO	2019-04-12	TE1111120735956	2023-02-15 14:39:00	2023-02-15 15:50:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
15	QUẢNG THỊ THUY	1999-12-29	DT2111120225016	2023-02-20 09:33:00	2023-02-20 10:19:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
16	LÒ VĂN CHUNG	1995-05-15	DT2111120259230	2023-02-17 09:30:00	2023-02-17 10:20:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
17	CHÁ THỊ CHỈNH	1994-12-06	HN2111120269246	2023-02-21 01:22:00	2023-02-27 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

18	CÀ VẤN PHƯƠNG	2014-12-14	HN2111120217499	2023-02-22 09:28:00	2023-02-22 09:52:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
19	LÒ BẢO HUY	2014-04-28	DT2111120231704	2023-02-28 13:41:00	2023-02-28 14:28:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
20	LÒ QUỐC VIỆT	2015-10-28	DT2111120203914	2023-02-28 13:43:00	2023-02-28 14:32:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
21	QUẢNG THỊ CÚC	1994-10-12	DT2111120260417	2023-02-28 13:45:00	2023-02-28 14:33:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
22	LƯỜNG THỊ THƯƠNG	2012-10-15	HN2111120230760	2023-02-08 09:17:00	2023-02-08 10:16:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
23	SÙNG THỊ CHÍNH	1998-01-01	HN2111120266449	2023-02-02 14:03:00	2023-02-02 16:20:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
24	LÒ THỊ OÁN	1996-10-28	HN2111120215727	2023-01-13 14:31:00	2023-01-13 14:57:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
25	LÒ VĂN THOẠN	1960-06-16	HT3111297011028	2023-01-05 07:29:00	2023-01-05 10:44:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
26	LÒ VĂN CHAU'	1978-03-07	DT2111120261031	2023-01-09 13:43:00	2023-01-09 14:17:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
27	LƯỜNG THỊ NGỌC NHI	2019-08-04	TE1111120738786	2023-01-16 09:05:00	2023-01-16 09:37:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
28	QUẢNG VĂN CHUNG	1992-10-10	HN2111120264350	2023-01-16 09:15:00	2023-01-16 09:41:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
29	LÒ THỊ CHÚC	1989-08-04	DT2111120278761	2023-01-04 15:56:00	2023-01-10 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
30	CÀ VĂN BIỆT	2006-01-28	DT2111120284738	2023-01-06 07:35:00	2023-01-06 07:58:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
31	CÀ THỊ NHUNG	1992-01-01	HN2111120272600	2023-01-31 07:16:00	2023-01-31 07:50:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
32	LÒ VĂN THOÁT	2007-04-24	DT2111120223414	2023-01-17 09:06:00	2023-01-17 09:55:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
33	CÀ VĂN NAM	2006-06-19	HN2111120236918	2023-01-19 09:06:00	2023-01-19 09:58:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
34	BẠC CẨM VĂN	1991-05-01	GD4111120238007	2023-01-19 08:51:00	2023-01-19 09:46:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
35	LÒ THỊ THU	2004-08-05	DT2111120249822	2023-01-06 14:01:00	2023-01-06 14:25:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
36	LÀNH THỊ THƠ'	2009-05-07	DT2111120234047	2023-03-02 09:24:00	2023-03-02 10:07:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
37	PHẠM CAO CƯỜNG	2009-08-22	HS4111120202776	2023-03-10 14:10:00	2023-03-10 15:19:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	8.340	33.360
38	LƯỜNG VĂN MUÔN	1970-02-07	HN2111120209263	2023-03-07 08:09:00	2023-03-07 09:43:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
39	NÙNG VĂN LỊCH	1960-08-12	DT2111120258391	2023-03-02 08:43:00	2023-03-02 09:51:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
40	TÔNG THỊ HUYỀN	2005-06-18	DT2111120223151	2023-03-21 14:40:00	2023-03-21 15:45:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
41	CÀ THỊ THƯƠNG	1999-01-11	HN2111120666313	2023-03-03 08:05:00	2023-03-03 08:59:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

42	LƯỜNG VĂN LAN	1993-04-20	HN2111120249150	2023-03-22 15:16:00	2023-03-22 15:42:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
43	LÒ THỊ HIỀN	1997-06-12	DT2111120251847	2023-03-24 15:29:00	2023-03-24 15:54:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
44	TÔNG VĂN TOÀN	2009-08-15	HN2111120236567	2023-03-27 09:10:00	2023-03-27 10:01:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
45	QUẢNG VĂN CHUNG	1975-07-10	DT2111120280239	2023-03-23 09:02:00	2023-03-23 09:30:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
46	LÒ VĂN THOAN	2006-01-20	DT2111120223413	2023-03-14 08:21:00	2023-03-14 08:49:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
47	VÀNG THỊ GIA	1996-10-09	HN2111120228167	2023-03-17 10:47:00	2023-03-17 14:13:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
48	MÙA THỊ DỪA	1973-09-01	HN2111120220317	2023-03-14 14:46:00	2023-03-14 15:40:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
49	LƯỜNG THỊ QUẢN	1975-10-25	DT2111120273167	2023-03-02 07:25:00	2023-03-02 08:35:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
50	TÔNG VĂN NGUYỄN	2011-11-22	HN2111120257026	2023-03-21 14:39:00	2023-03-21 15:02:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
51	LY THỊ CỎ	1991-02-12	HN2111120240974	2023-03-08 08:33:00	2023-03-08 08:53:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
52	QUẢNG QUỐC KHÁNH	2022-06-07	TE1111120813439	2023-03-08 14:30:00	2023-03-14 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
53	LÒ THỊ XÔM	1981-01-01	DT2111120231602	2023-03-31 15:20:00	2023-03-31 15:42:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
54	PHAN XUÂN DIỆU	1981-12-17	DK2111120282188	2023-04-11 08:55:00	2023-04-11 10:31:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
55	BẠC CẨM Mẫn	1964-02-16	HN2111120251581	2023-04-21 08:11:00	2023-04-21 09:07:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
56	LƯỜNG THỊ SEN	1996-01-01	DT2111120576714	2023-04-17 14:40:00	2023-04-17 15:18:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
57	ĐỖ VĂN BẢO CHÂU	2014-04-11	HS4111120480393	2023-04-21 14:11:00	2023-04-21 14:51:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
58	TÔNG THỊ NƠI	1972-12-15	DT2111120241777	2023-04-13 14:24:00	2023-04-13 15:10:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
59	BẠC THỊ THẢO	2001-09-07	HN2111120240452	2023-04-05 09:12:00	2023-04-05 10:01:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
60	LÒ VĂN NHÂN	1967-06-17	KC2111120223089	2023-04-10 07:59:00	2023-04-10 08:38:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
61	LÒ THỊ HẰNG	2010-04-04	DT2111120467954	2023-04-20 08:47:00	2023-04-20 09:39:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
62	QUẢNG THỊ THU	2004-06-01	HN2111120240538	2023-04-26 08:00:00	2023-04-26 08:36:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
63	LÒ VĂN CU	1975-08-20	DT2111120260540	2023-03-29 16:08:00	2023-04-06 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
64	LẠI TIẾN DŨNG	2003-06-22	DK2111120255224	2023-04-06 10:04:00	2023-04-06 10:49:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
65	QUẢNG VĂN ĐOÀN	1997-09-20	DT2117416251403	2023-04-14 08:36:00	2023-04-14 09:33:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

66	SÙNG THỊ MẮNG	1990-02-11	DT2111120238799	2023-04-10 08:58:00	2023-04-10 09:55:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
67	MÙA THỊ CHÚ	1957-01-01	DT2111120274887	2023-04-14 09:21:00	2023-04-14 09:52:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
68	LƯỜNG THIÊN PHÚ	2023-01-31	TE1141421686354	2023-04-14 08:50:00	2023-04-14 09:58:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
69	VŨ A HỒNG	1984-05-18	DT2111120207719	2023-04-19 09:10:00	2023-04-19 09:40:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
70	QUẢNG THỊ PỊCH	1962-10-10	DT2111120269520	2023-04-19 08:51:00	2023-04-19 09:43:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
71	LÒ THỊ LAI	1995-05-17	HN2111120215361	2023-04-07 08:16:00	2023-04-07 08:49:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
72	CÀ VĂN KÝ	2006-02-15	DT2141420313568	2023-04-21 08:51:00	2023-04-21 09:24:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
73	LÒ THỊ THU	1979-10-19	DT2111120278892	2023-04-10 14:00:00	2023-04-10 14:21:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
74	BẠC THỊ DIỄN	1975-01-01	DT2111120237482	2023-04-07 09:03:00	2023-04-07 10:09:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
75	LŨNG VĂN HOÀNG	2007-10-02	DT2111120247397	2023-04-10 14:18:00	2023-04-10 15:14:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
76	TÔNG THỊ DIU	1977-06-10	DT2111120218824	2023-04-14 14:32:00	2023-04-14 15:29:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
77	TÔNG VĂN KIẾN	2002-02-28	HN2111120243405	2023-04-19 15:36:00	2023-04-19 16:09:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
78	QUẢNG BÍCH THÔNG	2009-12-18	HN2111120275235	2023-04-19 14:03:00	2023-04-19 14:39:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
79	LÒ THỊ HƯƠNG	1985-01-17	DT2111120249254	2023-04-03 09:02:00	2023-04-07 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
80	CÀ THỊ HƯƠNG	1984-01-01	HN2111120239107	2023-03-29 10:35:00	2023-04-03 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
81	HỒ A TÓNG	2004-02-15	DT2111120231767	2023-05-04 14:34:00	2023-05-04 15:24:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
82	QUẢNG VĂN TÚI	1963-02-08	DT2111120280065	2023-05-12 14:59:00	2023-05-19 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
83	LŨNG VĂN HOM	1952-05-07	DT2111120269709	2023-05-05 14:15:00	2023-05-18 15:30:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
84	LÒ MẠNH QUYẾT	2007-11-10	HN2111120255380	2023-05-05 14:30:00	2023-05-05 15:24:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
85	LÒ NGỌC DIỆP	2016-10-19	DT2111120659235	2023-05-10 14:38:00	2023-05-10 15:33:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
86	QUẢNG VĂN THẢO	2002-09-17	DT2111120200953	2023-05-08 07:21:00	2023-05-08 07:41:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
87	CÀ THỊ AN KIỀU	2014-11-26	HN2111120277336	2023-05-26 14:13:00	2023-05-26 14:42:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
88	TÔNG THỊ PHONG	1978-08-20	DT2111120210274	2023-05-18 14:20:00	2023-05-18 14:44:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
89	TRẦN VĂN NGÂN	1957-05-07	KC2111120598299	2023-05-18 15:23:00	2023-05-18 15:47:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

90	LÒ VĂN THOAN	2006-01-20	DT2111120223413	2023-05-26 16:07:00	2023-05-26 16:26:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
91	QUẢNG THỊ HẢO	1989-07-15	HN2111120281568	2023-05-19 07:53:00	2023-05-19 08:35:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
92	LÒ VĂN HUẾ	2014-01-05	HN2111120261363	2023-05-04 09:46:00	2023-05-04 10:49:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
93	BẠC PHAN ANH TUẤN	2013-03-04	DT2111120203858	2023-05-12 08:13:00	2023-05-12 09:04:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
94	MÙA A THU'	2007-02-09	HN2111120207496	2023-05-25 09:54:00	2023-05-25 10:29:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
95	LY THỊ XINH	2021-02-10	TE1111120766993	2023-05-31 09:08:00	2023-05-31 09:40:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
96	ĐIỀU ĐẶNG PHI	2023-02-18	TE1111120826807	2023-05-25 14:31:00	2023-05-25 15:23:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
97	LÒ THỊ QUỲNH CHI	2016-11-01	DT2111120639536	2023-05-25 15:07:00	2023-05-25 15:29:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
98	LÝ THỊ VU'	2011-08-07	HN2111120265014	2023-05-31 15:04:00	2023-05-31 15:20:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
99	VÀNG A CHÚ'	1996-06-05	DT2111120218075	2023-05-12 13:54:00	2023-05-12 14:14:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
100	LÒ THỊ XIẾN	2006-03-15	HN2111120281546	2023-05-25 08:52:00	2023-05-31 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
101	GIẢNG THỊ CÚ	1982-06-16	HN2111120226099	2023-05-05 14:38:00	2023-05-08 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
102	LÒ THỊ XIẾN	1980-01-01	HN2111120242708	2023-05-08 08:09:00	2023-05-15 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
103	LÒ THỊ MỸ DIỆU	2019-11-07	TE1111120747054	2023-05-22 08:17:00	2023-05-26 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
104	GIẢNG A SỬ'	1992-09-02	QN5979732098106	2023-05-25 16:04:00	2023-05-26 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
105	LÒ THỊ CHUNG	1990-02-18	HN2111120239124	2023-06-19 07:45:00	2023-06-19 08:08:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
106	LÒ VĂN THOÁT	2007-04-24	DT2111120223414	2023-06-26 14:08:00	2023-06-26 14:29:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
107	LÒ THỊ TOÀN	1973-10-12	HN2111120241573	2023-06-29 07:33:00	2023-06-29 08:08:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
108	LƯỜNG THỊ YẾN VI	2019-07-13	TE1121220521989	2023-06-06 09:11:00	2023-06-06 09:41:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
109	THẢO THỊ CHI	2006-01-24	DT2111120285131	2023-06-06 09:05:00	2023-06-06 09:57:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
110	LƯỜNG VĂN XOAN	1994-08-25	DT2111120225839	2023-06-23 07:48:00	2023-06-23 08:26:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
111	LÒ THỊ NỘI	1984-04-17	DT2111120229315	2023-06-23 08:01:00	2023-06-23 08:32:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
112	QUẢNG VĂN ĐOÀN	1982-08-25	HN2111120284553	2023-06-21 07:58:00	2023-06-21 09:58:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
113	VÀNG THỊ VÍ	2018-11-15	TE1111120731091	2023-06-12 10:02:00	2023-06-12 10:42:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700

114	QUẢNG VĂN SƠN	2006-11-05	HN2111120282586	2023-06-15 15:29:00	2023-06-15 15:49:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
115	LÒ THỊ LIÊN	1956-06-20	DT2111120283843	2023-06-21 14:13:00	2023-06-21 14:51:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
116	LÒ VĂN NGÔI	1979-05-07	DT2111120282689	2023-06-05 08:13:00	2023-06-05 08:59:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
117	QUẢNG THỊ XIÊN	1972-01-01	GD4111120262099	2023-06-06 15:21:00	2023-06-06 15:43:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
118	QUẢNG THỊ MUNG	1970-09-01	GD4111120206174	2023-06-06 08:56:00	2023-06-06 10:50:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	8.340	33.360
119	CÀ VĂN DANH	2003-01-26	DT2111120284679	2023-06-14 08:02:00	2023-06-14 08:45:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
120	LÒ THỊ TUYẾT	1990-12-25	GD4111120262102	2023-06-09 08:47:00	2023-06-09 09:25:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
121	LÒ VĂN TUẤN	1999-01-08	DT2111120218684	2023-06-22 08:08:00	2023-06-22 08:54:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
122	LÒ THỊ NINH	1974-10-10	DT2111120243878	2023-06-23 14:46:00	2023-06-23 15:43:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
123	LÒ VĂN DINH	1986-10-05	DT2111120277738	2023-06-16 07:39:00	2023-06-23 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
124	LƯỜNG THỊ PHẦN	1982-02-06	DT2111120241272	2023-06-05 13:57:00	2023-06-05 14:47:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
125	LÒ VĂN QUYÊN	2005-07-05	DT2111120260655	2023-06-09 09:43:00	2023-06-09 10:03:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
126	TRẦN THỊ NGỌC NHI	2018-11-09	TE1262621537824	2023-06-16 14:15:00	2023-06-16 15:14:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
127	LÒ BẢO DUY	2017-03-21	TE1111120585907	2023-06-16 14:27:00	2023-06-16 15:21:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
128	LƯỜNG VĂN TOÀN	1992-06-22	DT2111120210195	2023-06-01 09:04:00	2023-06-01 16:28:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
129	TÔNG VĂN CHIẾN	1997-01-26	DT2111120233605	2023-06-12 09:11:00	2023-06-19 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	-	41.700
130	PHẠM THỊ HỒNG	1958-12-12	HT3111298014127	2023-06-06 07:38:00	2023-06-13 08:00:00	Vi nấm soi tươi	1	41.700	41.700	2.085	39.615
III	TỔNG CỘNG I-II						321		13.385.700	37.530	13.348.170

Phụ lục 05:**DANH MỤC 50 MẶT HÀNG KHÔNG MUA THEO KẾT QUẢ ĐẦU THẦU NĂM 2021 - 2022**

STT	MHH	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - hàm lượng	Nước sản xuất	ĐVT	Đơn giá (có VAT)	Kết quả trúng thầu		Lý do không mua
								SL	TT	
1	A013	Lidogel 2%	Lidocain hydroclorid	0	Việt Nam	Tub	40.000	16	640.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
2	A023	Novocain 3%	Procaïn (Novocain)	3%/2ml	Việt Nam	Ống	500	800	400.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
3	A027	Fresofol 1% Mct/Lct	Propofol	1% (10mg/ml)	Áo	Ống	27.000	160	4.320.000	Nhà thầu không cung ứng được, đã có văn bản gửi Sở và nhà thầu thông báo về vấn đề vi phạm trong thực hiện hợp đồng
4	A040	Diclovat	Diclofenac	100mg	Việt Nam	Viên	11.980	800	9.584.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
5	A082	Panalgal Plus	Paracetamol + Tramadol	325mg + 37,5mg	Việt Nam	Viên	3.900	8.000	31.200.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
6	A128	Natri bicarbonat 1,4%	Natri hydrocarbonat	1,4%/250ml	Việt Nam	Chai	31.973	700	22.381.100	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
7	A152	SaVi Albendazol 200	Albendazol	200mg	Việt Nam	Viên	1.885	2.400	4.524.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
8	A232	Cefradin 500mg	Cefradin	500mg	Việt Nam	Viên	2.280	120.000	273.600.000	Nhà thầu không cung ứng được, đã có văn bản gửi Sở và nhà thầu thông báo về vấn đề vi phạm trong thực hiện hợp đồng
9	A239	Daytrix	Ceftriaxon	1g	Italy	Lọ	16.450	16.000	263.200.000	Nhà thầu không cung ứng được, đã có văn bản gửi Sở và nhà thầu thông báo về vấn đề vi phạm trong thực hiện hợp đồng
10	A249	Meropenem Kabi 500mg	Meropenem	500mg	Italy	Lọ	63.400	1.600	101.440.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
11	A255	Piperacillin Panpharma 1g	Piperacilin	1g	France	Lọ	88.011	8.000	704.088.000	Nhà thầu không cung ứng được, đã có văn bản gửi Sở và nhà thầu thông báo về vấn đề vi phạm trong thực hiện hợp đồng
12	A351	Mediclovir	Aciclovir	150mg/5g (30mg/g x 5g)	Việt Nam	Tub	49.140	640	31.449.600	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
13	A363	Flupaz 50	Fluconazol	50mg	Việt Nam	Viên	3.900	7.200	28.080.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
14	A398	Exopan	Sắt nguyên tố (dạng phức hợp sắt (III) hydroxyd polymatose)	50 mg/ml x 15ml	Việt Nam	Chai	125.000	96	12.000.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
15	A399	Exopan	Sắt nguyên tố (dạng phức hợp sắt (III) hydroxyd polymatose)	50 mg/ml x 30ml	Việt Nam	Chai	165.000	96	15.840.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng

16	A411	Vitamin K1 10mg/1ml	Phytomenadion	10mg/ 1ml	Việt Nam	Ống	1.570	80	125.600	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
17	A424	Jasirox tab 180	Deferasirox	180mg	Việt Nam	Viên	50.000	96	4.800.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
18	A425	Jasirox tab 360	Deferasirox	360mg	Việt Nam	Viên	85.000	96	8.160.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
19	A426	Jasirox tab 90	Deferasirox	90 mg	Việt Nam	Viên	30.000	96	2.880.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
20	A441	Cardio-BFS	Propranolol hydroclorid	1mg/ml	Việt Nam	Lọ	25.000	160	4.000.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
21	A523	Mianifax Inj.	Nimodipin	10mg	Korea	Lọ	450.000	40	18.000.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
22	A570	Omepramed 40	Omeprazol	40mg	Việt Nam	Lọ	7.600	200	1.520.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
23	A576	Esphalux (Esomeprazole)	Esomeprazol	40mg	Taiwan	Lọ	28.350	300	8.505.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
24	A582	Apidom	Domperidon	10mg	Việt Nam	Gói	4.950	4.000	19.800.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
25	A584	Dloe 4	Ondansetron	4mg	Tây Ban Nha	Viên	11.000	400	4.400.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
26	A586	Nady-spasmyl	Alverin citrat + Simethicon	60mg + 80mg	Việt Nam	Viên	1.617	24.000	38.808.000	Nhà thầu không cung ứng được, đã có văn bản gửi Sở và nhà thầu thông báo về vấn đề vi phạm trong thực hiện hợp đồng
27	A635	Vinphason	Hydrocortison	100mg	Việt Nam	Lọ	6.510	400	2.604.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
28	A649	Progesterone injection BP 25mg	Progesteron	25mg	Đức	Ống	17.850	80	1.428.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
29	A651	Savi Acarbose 25	Acarbose	25mg	Việt Nam	Viên	1.800	80.000	144.000.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
30	A660	Apiryl 3	Glimepirid	3mg	Việt Nam	Viên	945	80.000	75.600.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
31	A681	Propylthiouracil	Propylthiouracil	50mg	Việt Nam	Viên	316	16.000	5.056.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
32	A691	Azopt	Mỗi 1ml hỗn dịch chứa Brinzolamide	10mg/ml	Mỹ	Lọ	116.700	80	9.336.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
33	A727	Olanxol	Olanzapin	10mg	Việt Nam	Viên	2.415	3.200	7.728.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
34	A733	Amitriptyline Hydrochloride 25mg	Amitriptylin HCL	25mg	Việt Nam	Viên	2.200	4.000	8.800.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
35	A734	Mirzaten 30mg	Mirtazapin	30mg	Slovenia	Viên	14.500	1.600	23.200.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
36	A740	Parterol 12	Galantamin	12mg	Việt Nam	Viên	22.000	200	4.400.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
37	A742	Interginko tablet	Ginkgo biloba	120mg	Korea	Viên	6.100	4.000	24.400.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm

		120mg								chưa có nhu cầu sử dụng
38	A782	PD-Ambroxol 30	Ambroxol	30mg	Việt Nam	Ống	4.000	24.000	96.000.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
39	A797	Eu-Fastmome 50 micrograms/actuation	Mometason	0,05g/100g, lọ 60 liều	Italy	Lọ	196.350	80	15.708.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
40	B069	Osluma	Xuyên bối mẫu, Đại Hoàng, Diên hồ sách, Bạch cập, Ô tặc cốt, Cam thảo		Việt Nam	Gói	10.000	4.000	40.000.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
41	A139	Kineptia 500mg	Levetiracetam	500mg	Slovenia	Viên	14.000	2.100	29.400.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
42	A268	Eyrus Ophthalmic Ointment	Polymycin B + Neomycin + Dexamethason	21.000IU + 12,25mg + 3,5mg	Korea	Tuýp	43.500	700	30.450.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
43	A339	Colistin TZF	Colistin	1.000.000 IU	Poland	Lọ	378.000	140	52.920.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
44	A495	Heptaminol 187,8 mg	Heptaminol	187,8mg	Việt Nam	Viên	1.200	700	840.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
45	A718	Diazepam 5mg	Diazepam	5mg	Việt Nam	Viên	240	3.500	840.000	Nhà thầu không cung ứng được, đã có văn bản gửi Sở và nhà thầu thông báo về vấn đề vi phạm trong thực hiện hợp đồng
46	A722	Aminazin 25mg	Chlorpromazin HCl	25mg	Việt Nam	Viên	126	10.500	1.323.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
47	A728	Olanzap 5	Olanzapin	5mg	Việt Nam	Viên	1.500	2.800	4.200.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
48	A816	Nutriflex Peri	Acid amin + glucose + điện giải	40g + 80g/1000ml	Switzerland	Túi	404.670	420	169.961.400	Nhà thầu không cung ứng được, đã có văn bản gửi Sở và nhà thầu thông báo về vấn đề vi phạm trong thực hiện hợp đồng
49	A830	Kaldyum	Kali clorid	600mg	Hungary	Viên	2.050	3.500	7.175.000	số lượng bệnh nhân giảm nên Trung tâm chưa có nhu cầu sử dụng
50	A843	Lipofundin MCT/LCT 20%	Medium-chain Triglicerides + Soya-bean Oil	(10,0g + 10,0g)/ 100ml	Đức	Chai	155.000	680	105.400.000	Nhà thầu không cung ứng được, đã có văn bản gửi Sở và nhà thầu thông báo về vấn đề vi phạm trong thực hiện hợp đồng
		Tổng							2.474.514.700	